|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: 01 / 10 / 2024 | Họ và tên giáo viên: Nguyễn Thị Quỳnh Trang  Tổ chuyên môn: Ngữ văn |

**Bài 4**

**CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI KÌ ẢO**

**(Truyện truyền kì )**

**Thời gian thực hiện: 14 tiết**

**\*Đọc:**

**-**Tri thức Ngữ văn

**-***Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)

**-***Truyện lạ nhà thuyền chài* (Lê Thánh Tông)

-*Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp)

-Thực hành Tiếng Việt: Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và việc sử dụng dấu câu.

-*Dế chọi* (Bồ Tùng Linh)

\***Viết**: Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã đọc

\***Nói-nghe**: Kể một câu chuyện tưởng tượng

**\*Ôn tập**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức**

– Khái niệm truyện truyền kì; đặc điểm của truyện truyền kì: không gian, thời gian, nhân vật, cốt truyện, lời người kể chuyện.

– Lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

– Cách đọc thể loại truyện truyền kì.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kỳ. Nêu được nội dung bao quát của văn bản.

- Cảm nhận được vẻ đẹp truyền thống trong tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam qua nhân vật Vũ Nương. Thấy rõ số phận oan trái của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến. Tìm hiểu những thành công về nghệ thuật của tác phẩm.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

- Năng lực sáng tạo: Tưởng tượng ra những tình huống có yếu tố kỳ ảo sau khi học tác phẩm.

**b. Năng lực đặc thù:**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

– Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

– Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**3. Phẩm chất:**

- Biết cảm thông, chia sẻ với người khác trong học tập và cuộc sống.

- Nhân ái: Yêu thương, đồng cảm cho số phận của người phụ trong xã hội cũ

- Chăm chỉ: Đam mê sưu tầm và tìm hiểu thêm những tác phẩm cùng thể loại.

**\*Tích hợp GD đạo đức, lối sống:** GD HS nhìn nhận, đánh giá vấn đề từ nhiều khía cạnh, góc nhìn khác nhau; thận trọng trong đánh giá và nhận xét người khác.

**\*Tích hợp GD quyền con người:** quyền được sống, được bảo vệ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– SGK, SGV.

– Clip liên quan đến bài học.

– Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu clip.

– Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

– PHT.

– Sơ đồ, biểu bảng.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: *XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ HỌC TẬP*** *(Dự kiến thời gian: 15’)*

**a. Mục tiêu:**

Có hứng thú về chủ điểm bài học *Con người trong thế giới kì ảo.* Xác định được tên chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:**

– Phần ghi chép của HS về tên chủ điểm của bài học, thể loại sẽ học.

– Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần Đọc.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

(1) GV yêu cầu HS: xem một đoạn clip *Từ Thức lấy vợ tiên* (link: [https: //www.facebook.com/ watch/?v=](https://www.facebook.com/watch/?v=) 2549652348617221) và trả lời câu hỏi: *Những câu chuyện kì lạ về con người trong thế giới kì ảo có thể mang lại cho ta những bài học gì?*

(2) Thể loại chính, câu hỏi lớn của bài học là gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, gợi mở

- Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- 2 – 4 HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn dắt vào bài:

- GV nhận xét câu trả lời của HS và hướng dẫn HS chốt lại tên chủ điểm *Con người trong thế giới kì ảo*, thể loại chính là *Truyện truyền kì.*

Trong nền văn học Việt Nam có một số lượng lớn các tác phẩm viết về đề tài người phụ nữ, đa phần đều thể hiện sự cảm thương cho thân phận bất hạnh, éo le, bất công của họ, đặc biệt là số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Chuyện người con gái Nam xương là một tác phẩm như vậy.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI: *(Dự kiến thời gian:560’)***

**Nội dung 1: TRI THỨC ĐỌC HIỂU** (Dự kiến thời gian 15’)

**TRUYỆN TRUYỀN KÌ**

**a. Mục tiêu:**

- Học sinh nắm được đặc điểm của truyện truyền kì.

- Thấy được không gian, thời gian, nhân vật, cốt truyện trong truyện truyền kì.

**-**Phân biệt đượclời đối thoại và độc thoại trong truyện.

**b. Nội dung:**

- Đặc điểm của truyện truyền kì.

**c. Sản phẩm** :Nội dung đã điền của cột K và W trong phiếu K-W-L, những từ khoá liên quan đến các nội dung ở phần *Tri thức Ngữ văn*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: I.Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**\*Truyện truyền kì**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

-GV yêu cầu HS:

(1) Nhóm hai HS cùng bàn hoàn thành cột K và W của phiếu K-W-L sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K**  (Những điều em đã biết về thể loại truyện) | **W**  (Những điều em muốn biết thêm về thể loại truyện) | **L**  (Những điều em đã học được về thể loại truyện) |
| *Gợi ý:*  *– Em đã từng đọc những truyện nào? Các VB ấy có những điểm chung gì?….* | Gợi ý:  – *Em muốn biết thêm điều gì về truyện?*  ......... |  |

(2) Nhóm hai HS đọc mục *Truyện truyền kì* trong SGK, đánh dấu những từ khoá, sau đó điền vào PHT số 1:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI TRUYỆN VÀ TRUYỆN TRUYỀN KÌ**  Dựa vào tri thức đã có về thể loại truyện, kết hợp với đọc mục *Truyện truyền kì* trong SGK, em hãy thực hiện điền thông tin vào dấu […]:  **1. Khái niệm truyện truyền kì**  Truyện truyền kì là thể loại […]. Tiêu biểu cho thể loại truyện truyền kì là các tác phẩm: [ …]  **2. Đặc điểm của truyện và truyện truyền kì**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **ĐẶC ĐIỂM** | **TRUYỆN** | **TRUYỆN TRUYỀN KÌ** | | Không gian | […]: | […]: | | Thời gian | […]: | […]: | | Nhân vật | […]: | […]: | | Cốt truyện | […]: | […]: | | Lời người kể chuyện | […]: | […]: |   **Nhận xét:** […] |

- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự sau: (1) 🡪 (2).

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

(1) 2 – 3 HS đại diện nhóm trình bày nội dung cột K và W của phiếu K-W-L. Nhóm HS khác bổ sung (nếu có). GV ghi chú tóm tắt nội dung trả lời của HS trên phiếu K-W-L chung của cả lớp.

(2) Đại diện 1 – 2 nhóm HS trả lời câu hỏi. Các nhóm HS còn lại nhận xét, bổ sung. GV ghi chú những từ khoá trong câu trả lời của HS lên bảng phụ.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

(1) GV xác định những nội dung thống nhất mà các em đã biết về thể loại truyện; những vấn đề còn băn khoăn, cần trao đổi, tìm hiểu thêm về thể loại này, sau đó nhấn mạnh:

**\* Khái niệm truyện truyền kì:**

-Là thể loại văn xuôi tự sự thời trung đại, phản ánh hiện thực qua yếu tố kì lạ, hoang đường, viết bằng chữ Hán, phát triển mạnh ở thế kỉ XVI- XVII.

-Nhấn mạnh: truyện truyền kì là một trong các thể loại truyện: cổ tích, truyện thần thoại, truyện cười,...

(2) Dựa trên câu trả lời của HS, GV nhận xét, hướng dẫn HS xác định những từ khoá ở phần *Tri thức Ngữ văn* liên quan đến đặc điểm của thể loại truyện truyền kì. (trình chiếu bảng sau):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐẶC ĐIỂM** | **TRUYỆN** | **TRUYỆN TRUYỀN KÌ** |
| Không gian | chỉ nơi câu chuyện xảy ra | nơi con người và ma, quỷ, thánh thần tương giao |
| Thời gian | là thời điểm, khoảnh khắc khi sự việc, câu chuyện xảy ra | thời gian ở cõi trần khác với thời gian ở âm ti, thuỷ phủ hoặc thượng giới |
| Nhân vật | là con người hay loài vật, đồ vật đã được nhân hoá, nhân vật là đồ vật có tính cách của con người | là con người hay thần linh, ma, quỷ. Nhân vật là con người thường có những nét đặc biệt; nhân vật là thần linh, ma, quỷ thường mang tính cách của con người |
| Cốt truyện | là chuỗi các sự việc chính được sắp xếp theo một trình tự nhất định và có liên hệ chặt chẽ với nhau | thường sử dụng yếu tố kì ảo tạo nên những biến đổi bất ngờ và hợp lí hoá những điều ngẫu nhiên, bất bình thường trong cốt truyện |
| Lời người kể chuyện | là phần lời người kể dùng để thuật lại một sự việc cụ thể hay giới thiệu, miêu tả khung cảnh, con người, sự vật,… | là lời kể của một người biết hết mọi chuyện ở trần gian, địa phủ, thượng giới, mọi hành động, suy nghĩ của nhân vật. Lời của người kể chuyện thường chiếm tỉ lệ cao trong VB |

**Nhận xét, nhấn mạnh:**

– Truyện và truyện truyền kì đều có cốt truyện, thời gian, không gian, nhân vật, lời người kể chuyện, lời độc thoại và đối thoại,...

– Đặc điểm cơ bản của truyện truyền kì là yếu tố kì ảo. Yếu tố đó thể hiện qua: Không gian; thời gian; nhân vật; cốt truyện và lời người kể chuyện.

**\* Lời đối thoại và độc thoại trong văn bản truyện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

-GV yêu cầu HS:GV yêu cầu HS dựa vào phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK để trả lời câu hỏi: *Thế nào là lời đối thoại, độc thoại trong VB truyện, lời đối thoại và độc thoại khác nhau như thế nào?*

- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

-Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

1 – 2 HS trả lời câu hỏi, một số HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

– Lời đối thoại là giao tiếp luân phiên giữa người nói – người nghe; lời độc thoại là nói một mình.

**Nhiệm vụ 2: II. Luyện tập**

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

-GV yêu cầu HS:

(2) Đọc đoạn trích sau và xác định đâu là lời đối thoại, đâu là lời độc thoại:

Đoạn rồi nàng tắm gội sạch, ra bến Hoàng Giang ngửa mặt lên trời mà than rằng:

– Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.

(…) Sinh dỗ dành:

– Nín đi con, đừng khóc. Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi.

Đứa con ngây thơ nói:

– Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư! Ông lại biết nói chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít.

Chàng ngạc nhiên gạn hỏi. Đứa con nhỏ nói:

– Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.

- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

-Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

1 – 2 HS trả lời câu hỏi, một số HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

Trong đoạn trích trên, lời độc thoại là lời than của nhân vật "nàng", lời đối thoại là lời của nhân vật Sinh trao đổi với đứa con.

**Nhiệm vụ 3: III. Vận dụng**

Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

- GV chuyển giao nhiệm vụ

Đọc đoạn trích: “Trong năm Quang Thái…nở đầy trước cửa” (Từ Thức lấy vợ tiên)

Tìm yếu tố kì lại hoang đường trong đọan trích trên

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Hs báo báo kết quả

- Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện

Bước 4: Kết luận, nhận định

-GV tóm lược, nhận xét câu trả lời của HS và kết luận, chuyển dẫn phần văn bản đọc

**Nội dung 2:**

**VĂN BẢN 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG- (Nguyễn Dữ)**

(Dự kiến thời gian: 110’)

**a. Mục tiêu:**

***-*** Liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB, bước đầu dự đoán được nội dung VB.

- Học sinh nắm được tác giả, tác phẩm, tóm tắt được nội dung chính của văn bản

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính.

– Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

– Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

**\*Tích hợp GD đạo đức, lối sống:** GD HS nhìn nhận, đánh giá vấn đề từ nhiều khía cạnh, góc nhìn khác nhau; thận trọng trong đánh giá và nhận xét người khác.

**\*Tích hợp GD quyền con người:** quyền được sống, được bảo vệ

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV/ HS tham gia học tập.

- HS tìm hiểu, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, nhiệm vụ.

- Phân tích nhân vật Vũ Nương, Trương Sinh

- Các chi tiết kì ảo trong truyện truyền kì

- Các biện pháp nghệ thuật tiêu biểu.

- Giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**c. Sản phẩm:**

- Suy nghĩ của HS

- Phần trình bày kết quả đọc của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: Khởi động**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

(1) HS đọc thông tin về tác phẩm *Truyền kì mạn lục* (SGK) và đánh dấu những thông tin quan trọng.

(2) HS trả lời câu hỏi: *Hãy kể tên các tác phẩm viết về người phụ nữ trong xã hội cũ mà em biết. Trong số đó em ấn tượng với tác phẩm nào nhất?*

*(3)*V yêu cầu HS: Nhìn hình ảnh, đoán tên nhân vật chính trong truyện truyền kì

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV chiếu hình ảnh, quan sát, gợi mở

- HS quan sát, suy nghĩ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

- HS trả lời câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

Gợi ý:

+C*ác tác phẩm viết về người phụ nữ trong xã hội cũ :* *“Truyện Kiều”- Nguyễn Du, “Chinh phụ ngâm khúc” – Đặng Trần Côn, Chùm thơ Nôm của Hồ Xuân Hương (“Bánh trôi nước”, “Lấy chồng chung”, “Tự tình”,…), “Cung oán ngâm” – Nguyễn Gia Thiều…*

\*HS trình bày *ấn tượng, cảm nhận với tác phẩm viết về người phụ nữ.*

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Viết về đề tài người phụ nữ trong xã hội phong kiến có rất nhiều tác giả với nhiều góc nhìn cũng như cách tiếp cận khác nhau. Điểm giao nhau giữa các tác phẩm đó chính là số phận hẩm hiu, nỗi buồn man mác của những con người thấp cổ bé họng, bị coi như những công cụ, những món đồ trao đổi ngược xuôi và kết cục buồn thảm của cảnh đời bất hạnh. Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về một tác phẩm, một số phận của người phụ nữ phong kiến dưới ngòi bút của Nguyễn Dữ -****Chuyện người con gái Nam Xương.***

**Nhiệm vụ 2: I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

**1. Đọc:** Đọc diễn cảm VB và ghi lại câu trả lời cho các câu hỏi tưởng tượng, suy luận trong SGK.

(1) GV yêu cầu HS đọc diễn cảm VB (GV có thể đọc thị phạm cho HS nghe một số đoạn).

(2) Yêu cầu HS: Trong quá trình đọc VB, khi gặp những câu hỏi trong khung, tạm dừng khoảng 1 đến 2 phút để suy ngẫm, trả lời câu hỏi *Theo dõi, Suy luận, Dự đoán, Đánh giá* bằng cách ghi nhanh, vắn tắt câu trả lời ra giấy.

**2. Tìm hiểu chung:** Tìm hiểu những nét chính về: Xuất xứ, đề tài, thể loại của truyện…

-HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Hs làm việc cá nhân:

(1) HS quan sát GV đọc thị phạm và thực hiện đọc trực tiếp VB.

(2) Cá nhân HS trả lời những câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB* trong SGK.

- GV quan sát

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- (2) GV tổ chức cho HS đọc VB, mời 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trả lời câu hỏi

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá về kết quả đọc trực tiếp của HS: Thái độ của HS đối với việc đọc, việc trả lời các câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*, cách thức HS thực hiện các kĩ năng đọc.

**-** GV nhận xét, tổng kết ý kiến của HS.

Gợi ý:

**1. Tác giả:**

- Sống ở thế kỉ XVI, quê ở tỉnh Hải Dương.

- Ông là người học rộng tài cao nhưng chỉ làm quan một thời gian ngắn.

**2. Tác phẩm:**

- Xuất xứ: Từ truyện cổ tích Vợ chàng Trương. Là truyện thứ 16 trong 20 truyện của Nguyễn Dữ.

- Thể loại: Truyện truyền kì.

- Nội dung:Câu chuyện kể về số phận oan nghiệt của một người phụ nữ có nhan sắc, đức hạnh nhưng bị nghi ngờ, bị sỉ nhục, bị đẩy đến bước đường cùng, phải tự kết liễu cuộc đời mình để giãi bày và làm sáng tỏ tấm lòng trong sạch. Tác phẩm còn thể hiện mơ ước ngàn đời của nhân dân: Người tốt bao giờ cũng được đền trả xứng đáng, chỉ là ở một thế giới huyền bí.

- Tóm tắt: Chuyện người con gái Nam Xương kể về cuộc đời và cái chết thương tâm của nàng Vũ Nương. Vũ Nương, quê Nam Xương, vừa đẹp người lại vừa đẹp nết, nàng được gả cho Trương Sinh, một người vốn có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. Khi Trương Sinh đi lính, ở nhà, Vũ Nương hết lòng chăm lo cho mẹ chồng, con thơ và cáng đáng chuyện gia đình. Những ngày ở một mình, nàng hay đùa con, trỏ bóng mình trên vách bảo đó là cha Đản. Khi Trương Sinh trở về, vì nghe lời ngây thơ của con trẻ, lại đa nghi, đã nghi oan cho Vũ Nương, nàng không thể giải thích cho chồng hiểu nên đã nhảy xuống sông tự vẫn để minh chứng cho sự thủy chung của mình. Vũ Nương được Linh Phi cứu, sống tiếp đời mình ở chốn thủy cung. Tới khi gặp được Phan Lang, là người cùng làng, nàng tâm sự cùng Phan Làng rồi nhờ gửi lời cho chồng lập đàn giải oan ở bến sông thì nàng sẽ trở về. Trương Sinh theo lời lập đàn giải oan cho vợ, nhưng hình bóng Vũ Nương chỉ hiện lên chốc lát rồi loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất, nàng vĩnh viễn sống ở thủy cung, không thể quay lại nhân gian.

**-**Bố cục: gồm 3 phần:

   + Phần 1: Từ đầu → như mẹ đẻ: Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương, sự xa cách vì chiến tranh và phẩm hạnh của nàng trong thời gian xa cách.

   + Phần 2:Từ qua năm sau → đã qua rồi: Nỗi oan khuất và cái chết bi thẩm của Vũ Nương.

   + Phần 3: Phần còn lại. Cuộc gặp gỡ giữa Phan Lang và Vũ Nương trong động Linh Phi. Vũ Nương được giả oan.

**Nhiệm vụ 3: II. Suy ngẫm và phản hồi**

***1. Tìm hiểu cốt truyện, sự kiện, bối cảnh, nhân vật***

**- Bước 1:Giao nhiệm vụ học tập:**

1. Nhóm hai HS thực hiện PHT số 1 (câu 1 trong SGK).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÓM TẮT CỐT TRUYỆN, TÌM HIỂU BỐI CẢNH**  1. Em hãy đọc VB và tóm tắt cốt truyện theo sơ đồ sau:    2. Xác định trật tự thời gian, không gian, chuỗi sự kiện:   |  |  | | --- | --- | | Không gian |  | | Thời gian |  | |

(2)Nhóm hai HS thực hiện PHT số 2 (câu 2, 3 trong SGK).

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: TÌM HIỂU NHÂN VẬT VŨ NƯƠNG**  **Câu 2:** Các nhân vật trong VB gồm: ...............................................................................................  Nhân vật chính là: ................................, nhân vật phụ là: ...............................................................  **Câu 3:** Nhân vật Vũ Nương:   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật Vũ Nương** | **Chi tiết tiêu biểu** | | Lời giới thiệu trực tiếp của người kể chuyện ở đoạn đầu VB |  | | Hành động, việc làm khi chồng đi chinh chiến |  | | Hành động, việc làm khi bị mắc oan |  |   Tính cách: ........................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................... |

(3)Nhóm hai HS điền vào PHT số 3 (câu 4 trong SGK).

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: TÌM HIỂU NHÂN VẬT TRƯƠNG SINH** | |
| **Nhân vật Trương Sinh** | **Chi tiết tiêu biểu** |
| Lời giới thiệu trực tiếp của người kể chuyện ở phần đầu câu chuyện |  |
| Cách đối xử với vợ sau khi chinh chiến về |  |
| Nhận ra sự thật và gặp vợ lần cuối |  |
| Nhận xét về nhân vật: ...................................................................................................................... | |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu bạn, hoàn thành các PHT

- Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Một số nhóm trình bày kết quả.

- GV gọi hs các nhóm khác góp ý, bổ sung câu trả lời của bạn.

*\****Bước 4: Kết luận, nhận định**

***-*** GV tóm tắt câu trả lời của HS và định hướng như sau:

**Phiếu học tập số 1 (Câu 1)**

– Về tóm tắt cốt truyện: những sự kiện chính trong truyện là:

+ Trở thành chinh phụ (đoạn đầu): Vũ Thị Thiết lấy người chồng “có tính đa nghi”. Chồng đi chinh chiến, nàng một mình phụng dưỡng mẹ chồng và nuôi con nhỏ.

+ Mắc oan (đoạn tiếp theo): Trương Sinh trở về sau chinh chiến; đứa con không nhận Trương là cha, lại nói về một người cha khác đêm đêm vẫn về; Trương ghen tuông, quy cho Vũ hị ngoại tình và đuổi nàng; Vũ Thị gieo mình xuống sông; Trương hiểu ra sự thật.

+ Giải oan (đoạn cuối): Vũ Thị gặp Phan Lang, người làng dưới thuỷ phủ; Phan Lang khuyên nàng về thăm chồng con, Vũ Thị nhờ Phan Lang nói với Trương lập đàn giải oan cho nàng; Trương Sinh lập đàn giải oan cho Vũ Thị.

– Không gian: Sự kiện được kể theo các phạm vi khác nhau: trần thế (thế giới thực) – thuỷ phủ (thế giới kì ảo) – trần thế, con người có thể đi về giữa hai thế giới. Thời gian: Sự kiện sắp xếp theo trình tự tuyến tính (việc gì xảy ra trước kể trước).

**Phiếu học tập số 2 :**

**Câu 2:** Nhân vật chính: Vũ Nương; Trương Sinh, các nhân vật phụ: Bé Đản, Linh Phi, Phan Lang,…

**Câu 3:** Nhân vật Vũ Thị Thiết:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật Vũ Thị Thiết** | **Chi tiết tiêu biểu** |
| Lời giới thiệu trực tiếp của người kể chuyện ở đoạn đầu VB | “Tính đã thuỳ mị, nết na”, “tư dung tốt đẹp” |
| Hành động, việc làm khi chồng đi chinh chiến | Phụng dưỡng mẹ chồng già yếu, bệnh tật; lo tang mẹ chu toàn khi về già; chăm nuôi con nhỏ khôn lớn,… |
| Hành động, việc làm khi bị mắc oan | – Chịu oan, mọi lời phân trần (với Trường Sinh) đều vô hiệu  – Kêu oan cùng trời đất (lời độc thoại, mình nói với mình, với trời đất)  – Tìm cái chết trên bến Hoàng Giang  – Hiện hình trên sông, gặp lại chồng để minh oan cho mình |

**\*Tích hợp GD quyền con người:** Xã hội nam quyềnbất bình đẳng, bất công, người phụ nữ không có tiếng nói, không được bảo vệ. Trong xã hội ấy, họ hoặc phải âm thầm chịu đựng hoặc bị đẩy đến bế tắc cùng đường đành phải chọn cái chết bi thảm. Tác phẩm không chỉ bộc lộ sự trân trọng và niềm thương cảm sâu sắc đối với phụ nữ thời phong kiến mà còn cất lên tiếng nói đòi quyền sống, quyền được tôn trọng của họ- những phận ngườI bé nhỏ trong cái xã hội xấu xa ấy.

**Phiếu học tập số 3(Câu 4)** Nhân vật Trương Sinh

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật Trương Sinh** | **Chi tiết tiêu biểu** |
| Lời giới thiệu trực tiếp của người kể chuyện ở phần đầu câu chuyện | "Đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức" |
| Cách đối xử với vợ sau khi đi chinh chiến về | Nghe lời nói ngây thơ của đứa trẻ mà không suy xét, phân tích, nghi ngờ, hắt hủi vợ; động lòng thương khi vợ tự tử, tìm vớt xác vợ; nhận ra sự thật, gọi vợ trở về |
| Nhận xét: Trương Sinh thương vợ nhưng đa nghi một cách mù quáng, dẫn đến bi kịch gia đình | |

**\**Tích hợp GD đạo đức, lối sống: GD HS nhìn nhận, đánh giá vấn đề từ nhiều khía cạnh, góc nhìn khác nhau; thận trọng trong đánh giá và nhận xét người khác.***

***2. Tìm hiểu yếu tố kì ảo, lời kể, lời thoại***

*-* **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

(1) Nhóm HS thực hiện PHT số 4 (câu 5 trong SGK).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HT SỐ 4: TÌM HIỂU CHI TIẾT KÌ ẢO TRONG TRUYỆN**   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng đối với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng** | | .....................................................  ..................................................... | ................................................................................  ................................................................................ | |

(2) Nhóm HS trả lời câu 6 trong SGK.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

-HS thực hiện nhiệm vụ.

- Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- 1 – 2 HS trình bày kết quả

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.

- GV bổ sung, chốt lại kiến thức

**Phiếu học tập số 4 (Câu 5)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng thể hiện chủ đề,**  **tư tưởng** |
| Nhân vật và thế giới kì ảo: nhân vật Linh Phi, Phan Lang, … dưới thuỷ phủ  Linh Phi hoá thân vào con rùa, báo mộng cho Phan Lang và được Phan Lang cứu sống; việc cứu sống Vũ Thị, trả ơn Phan Lang của Linh Phi  Việc lậpđàn giải oan*,* cảnh Trương Sinh và Vũ Nương gặp gỡ trong cách biệt | Thể hiện niềm cảm thương số phận những người phụ nữ, thể hiện niềm mong ước: người tốt sẽ được thần nhân phù trợ |

**Câu 6:**

a. Lời nói của Vũ Thị Thiết trước khi tìm đến cái chết trên bến Hoàng Giang là lời độc thoại.

Cơ sở xác định: lời dẫn của người kể chuyện, dấu hiệu lời thoại; cách xưng hô (Kẻ bạc mệnh này … – thần sông…), lời cầu xin, thề thốt (Nếu … Nhược bằng…),…

b. Lượt thoại thứ nhất của bé Đản với Trương Sinh có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện: làm cho Trương Sinh nghi ngờ lòng thuỷ chung của vợ, dẫn đến cái chết của nàng. Lượt thoại thứ 2: vừa minh oan cho Vũ Thị, vừa giúp Trương Sinh nhận ra sai lầm của mình.

***3. Khái quát đặc điểm thể loại truyện truyền kì***

**- Bước 1:Giao nhiệm vụ học tập:**

HS đọc lại *Tri thức đọc hiểu* và câu trả lời cho các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5 để thực hiện PHT số 5 (câu 7 trong SGK).

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6: ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI TRUYỆN TRUYỀN KÌ**   |  |  | | --- | --- | | **Các yếu tố của truyện truyền kì** | **Thể hiện qua VB**  ***Chuyện người con gái Nam Xương*** | | Không gian: ................................................ | [ …] | | Thời gian: ................................................... | [ …] | | Nhân vật: .................................................... | [ …] | | Yếu tố kì ảo: ............................................... | [ …] | | Cốt truyện: ................................................. | [ …] | |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Nhóm hai HS thực hiện PHT số 5.

- Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Hai nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác bổ sung.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Dựa vào *Tri thức đọc hiểu* và câu trả lời của HS, GV tóm tắtnhững đặc điểm của truyện truyền kì được thể hiện qua VB *Chuyện người con gái Nam Xương*.

- GV bổ sung, chốt lại kiến thức

|  |  |
| --- | --- |
| **Cốt truyện** | - Câu chuyện xoay quanh 1 cốt truyện nhất định.  - Dùng yếu tố hoang đường, kỳ ảo làm phương thức nghệ thuật để phản ánh đời sống hiện thực.  - Cốt truyện được tổ chức chủ yếu dựa trên chuỗi sự kiện sắp xếp theo trật tự tuyến tính, có quan hệ nhân quả. |
| **Nhân vật** | - Khá đa dạng, phong phú, trong đó nổi bật nhất là ba nhóm: thần tiên, người trần và yêu quái.  - Các nhân vật thường có những nét kì lạ, biểu hiện ở nguồn gốc ra đời, ngoại hình hay năng lực siêu nhiên... |
| **Không gian** | - Không gian thường có sự pha trộn giữa cõi trần, cõi tiên, cõi âm; các hình thức không gian này không tồn tại tách biệt mà liên thông với nhau. |
| **Thời gian** | - Thời gian cũng có sự kết hợp chặt chẽ giữa thời gian thực và thời gian kì ảo. |
| **Ngôn ngữ** | Truyện truyền kì sử dụng nhiều điển tích, điển cố. |

**Nhiệm vụ 4: III.Tổng kết**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS tổng kết về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

- Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày câu trả lời

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt nội dung cơ bản.

**Gợi ý**

**1. Nội dung:**

**-** Phản ánh XHPK với những bất công với người phụ nữ, chiến tranh phi nghĩa

- Tác phẩm là bản án đanh thép tố cáo bản chất vô nhân đạo của XHPK

- Khẳng định và ngợi ca phẩm chất, tâm hồn cao đẹp truyền thống của người phụ nữ VN.

-Thái độ cảm thông chân thành của nhà văn.

**2. Nghệ thuật:**

- Khai thác vốn văn học dân gian.

- Nghệ thuật kể chuyện đầy sáng tạo:

+ Những nhân vật có tính cách rõ nét, đặc biệt là Vũ Nương.

+ Cách kể chuyện hấp dẫn, sử dụng yếu tố truyền kỳ, xây dựng hình ảnh “cái bóng” đầy dụng ý.

- Kết thúc tác phẩm bất ngờ, không mòn sáo, hàm ý sâu sắc.

**Nhiệm vụ 5: IV. Luyện tập**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: giải được các ô chữ liên quan đến tác phẩm:

Câu 1: Nam Xương ngày nay thuộc huyện nào của tỉnh Hà Nam?

Câu 2: Người đã có những câu nói ngây thơ làm cho Trương Sinh hiểu lầm Vũ Nương là ai?

Câu 3: Tên dòng sông, nơi Vũ Nương đã gieo mình xuống đó?

Câu 4: Người đã cưu mang Vũ Nương ở thủy cung?

Câu 5: Khi gieo mình xuống song Hoàng Giang, Vũ Nương có lời thề gì nếu ở dưới nước?

Câu 6: Tên địa danh được dùng để gọi tên nhân vật chính?

Câu 7: Chuyện người con gái Nam Xương trích từ tập truyện nào của tác giả Nguyễn Dữ?

Câu 8: Khi không được minh oan, Vũ Nương rơi vào trạng thái nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và làm việc cá nhân giải quyết các câu hỏi mà giáo viên đưa ra

- Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS câu trả lời của học sinh

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt nội dung cơ bản.

**Gợi ý:** Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Lý Nhân Câu 2: Bé Đản Câu 3: Hoàng Giang

Câu 4: Linh Phi Câu 5: Ngọc Mỵ Nương Câu 6: Nam Xương

Câu 7: Truyền kì mạn lục Câu 8: Sức cùng lực kiệt

**Nhiệm vụ 5: IV. Vận dụng**

**- Bước 1:Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV nêu nhiệm vụ: Từ Chuyện người con gái Nam Xương, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ ý kiến của em về thân phận người phụ nữ trong xã hội xưa?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS chuẩn bị và hoàn thành nhiệm vụ. Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Mời các HS có ý kiến khác nhau trình bày quan điểm của mình.

Lưu ý: đây là câu hỏi mở, GV không nên áp đặt câu trả lời.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của nhóm HS.

***-*** GV tổng kết câu trả lời của HS, sau đó chia sẻ quan điểm của GV.

**Nội dung 3:**

**VĂN BẢN 2: TRUYỆN LẠ NHÀ THUYỀN CHÀI** (Lê Thánh Tông)

(Dự kiến thời gian: 110’)

**a. Mục tiêu:**

-Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

-Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản truyện.

-Nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

-Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.

**\*Tích hợp GD đạo đức, lối sống:** GD HS nhìn nhận, đánh giá vấn đề từ nhiều khía cạnh, góc nhìn khác nhau; thận trọng trong đánh giá và nhận xét người khác.

**\*Tích hợp GD quyền con người:** quyền được sống, được bảo vệ

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:**

-Suy nghĩ của HS

-Sơ đồ tóm tắt các đặc điểm của thể loại truyện truyền kì và những ghi chú khi đọc VB *Truyện lạ nhà thuyền chài.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: Khởi động**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: nêu vấn đề:

Văn học dân gian Việt Nam có nhiều tác phẩm đề cao phẩm chất cao đẹp (như sống chung thủy, tình nghĩa, vị tha…) của người Việt Nam, nhất là người phụ nữ. Hãy chia sẻ với các bạn về một nhân vật phụ nữ mà em đã đọc và trân trọng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, gợi mở

- HS suy nghĩ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động

- HS tham gia trả lời câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá.

- Gợi mở: *Cô Tấm trong truyện cổ tích “Tấm Cám”, Âu Cơ trong truyền thuyết “Lạc Long Quân và Âu Cơ”, …*

*+ Ví dụ: nàng Cóc trong truyện “Lấy vợ Cóc”, mặc dù hình dáng của cô không đẹp nhưng lại có tốt nết. Cô Cóc biết nói và giúp đỡ gia đình chồng mình. Cuối cùng, cô biến thành một cô gái xinh đẹp và hạnh phúc bên chồng. Truyện này mang ý nghĩa về tình yêu và sự đánh giá bề ngoài không quan trọng, quan trọng là tốt nết và lòng chân thành.*

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Có ai đó nói rằng: “Người phụ nữ là một nửa thế giới”. Và quả thật, họ đã đi vào những trang viết chảy suốt trong văn học từ trước đến nay, để rồi không chỉ làm nên một nửa, mà là trọn vẹn tấm hình trong sâu thẳm tâm hồn thế hệ người đọc hôm nay và cả mai sau.* *Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về một tác phẩm****Truyện lạ nhà thuyền chài****để hiểu hơn những nét đặc sắc về thể loại truyền kì cũng như những phẩm chất đáng quý của người phụ nữ trong văn học trung đại nhé!*

**Nhiệm vụ 2: I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận theo nhóm, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm: Phần ghi chép của HS cho câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức

- GV chuyển sang nội dung mới.

Gợi ý:   
**1. Đọc**

- Cách đọc: Khi đọc truyện truyền kì, cần tóm tắt truyện, xác định không gian, thời gian trong truyện, tìm hiểu các nhân vật, chỉ ra và nêu tác dụng của các chi tiết kì ảo, nêu chủ đề của truyện…

- Câu hỏi trong thẻ chỉ dẫn:

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi/ kĩ năng đọc.** | **Câu trả lời  của tôi** |
| Những câu thơ trong đoạn 1 là lời của người kể chuyện hay lời của nhân vật? | Lời của người kể chuyện. |
| Các lời thoại của cha và Thúc Ngư trong đoạn 2 cho thấy quan niệm về việc học hành giữa hai cha con khác nhau như thế nào? | - Với người cha: Đi học để học những lời nói, việc làm của Thánh hiền đời xưa, chép trong sách, học học mới biết mà bắt chước.  - Với Thúc Ngư: Trong sách không có cá, lời nói lại không thể đem đá cá được, và cậu không chịu đi học. |
| Lưu ý yếu tố kì ảo và tác dụng của yếu tố kì ảo trong phần 3. | - Đồ ăn trên bàn toàn là vật sống: *có thứ quây lượn như rồng, có thứ như lũ trẻ đùa bỡn…*nhưng khi cầm đũa gặp thì đều là vật chín, ngon tuyệt phẩm.  - Hai gã bán kinh đưa vợ chồng nhà thuyền chài về.  - Ngọa Vân dòng dõi hải tiên, có thuật rút đường. |
| Việc làm và lời nói, lời hát của Ngọa Vân trong đoạn 4 cho thấy nàng là người như thế nào? | Ngọa Vân là người có tính đảm đang gánh vác, giàu đức hi sinh, có tấm lòng vị tha đáng trân trọng. |

**2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

**a. Tác giả**

- Lê Thánh Tông (1442 – 1497) tên là Tư Thành, hiệu là Thiên Nam động chủ, con trai thứ tư của Lê Thái Tông. Ngài là một vị vua trị vì lâu nhất của nhà Hậu Lê, tên tuổi và sự nghiệp gắn liền với giai đoạn cường thịnh của đất nước nửa sau thế kỉ XV.

- Không chỉ là một vị vua anh minh, Lê Thánh Tông còn là một nhà thơ lớn với nhiều tác phẩm phong phú cả về đề tài và thể loại, cả chữ Hán và chữ Nôm.

**b. Tác phẩm**

- *Thánh Tông di thảo* được tương truyền là của Lê Thánh Tông, là tập văn xuôi chữ Hán gồm hai quyền: quyền Thượng 13 truyện, quyển Hạ 6 truyện và phần “phụ chép" *Truyện con tằm vàng* là phần ngắn nhất trong tập nhưng cũng mang nội dung khá hoàn chỉnh nên có thể coi là truyện thứ 20.

- *Truyện lạ nhà thuyền chài*là một trong số những truyện của *Thánh Tông Di Thảo*do Nguyễn Đình Ngô dịch

**Nhiệm vụ 3: II. Suy ngẫm và phản hồi**

**1. Phân tích một số yếu tố của truyện truyền kì trong *Truyện lạ nhà thuyền chài*(cốt truyện, không gian, thời gian, lời thoại, yếu tố kì ảo).**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia lớp thành 4 nhóm lớn bằng cách điểm danh theo thứ tự các mùa xuân – hạ - thu – đông. Đọc văn bản *Truyện lạ nhà thuyền chài*kết hợp với kiến thức đã chuẩn bị ở nhà hoàn thành lần lượt các nhiệm vụ sau:

+ **Nhóm 1**: *Vẽ sơ đồ các sự kiện theo diễn biến câu chuyện và cho biết các sự kiện ấy được sắp xếp theo trật tự thời gian và không gian như thế nào?*

*+***Nhóm 2:***Đọc kĩ lời thơ ở đoạn 1, lời hát ở đoạn 4 và cho biết:*

*a. Phần lời thơ ở đoạn 1 là tự sự, miêu tả hay biểu cảm? Phần lời hát ở đoạn 4 là đối thoại hay độc thoại / độc thoại nội tâm? Những dấu hiệu nào trong văn bản giúp em nhận biết điều đó?*

*b. Tác dụng của việc dùng lời thơ, lời hát trong văn bản.*

+ **Nhóm 3:** *nêu một số chi tiết kì ảo và chỉ ra tác dụng của chúng trong việc thể hiện tính cách nhân vật, chủ đề của văn bản.*

**+ Nhóm 4:***Dựa vào kết quả thảo luận của 3 nhóm trên, hãy tổng hợp những đặc điểm của truyện truyền kì được thể hiện trong văn bản “Truyện lạ nhà thuyền chài”.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 1 – 2 HS mỗi nhóm trình bày kết quả.

- Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi (nếu có).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**a. Cốt truyện:** Nhóm 1:

Sơ đồ diễn biến cốt truyện: (Phiếu HT 1)

|  |
| --- |
| **TÓM TẮT THEO CÁC SỰ KIỆN CHÍNH CỦA VĂN BẢN**  A diagram of a diagram  Description automatically generated  ***Nhận xét về cách sắp xếp:*** các sự kiện trong câu chuyện được sắp xếp theo trật tự thời gian, không gian: Trật tự tuyến tính (chuyện gì xảy ra trước kể trước). |

**b. Thời gian, không gian**

- Thời gian: thời gian thực ở trần thế.

- Không gian: Sự kiện diễn ra trong thế giới thực, nhân vật kì ảo có thể di chuyển giữa Long Cung và trần thế.

**c. Lời thoại: (Nhóm 2)**

- Về bài thơ ở đầu truyện: Bốn dòng thơ đầu chủ yếu tự sự, các dòng cuối kết hợp tự sự với biểu cảm (do bắt đầu bằng cụm từ mang tình bình phẩm biểu cảm: “cũng thật là:...”).

- Về bài hát ở đoạn 4: Bài hát là lời của Ngọa Vân (hát đi hát lại) nói để giã biệt chồng, cha mẹ chồng, và cũng nói với cả trời đất (“ông xanh”) chính là một dạng đối thoại/ độc thoại nội tâm.

=> Tác dụng của việc dùng lời thơ ở đoạn 1, lời hát ở đoạn 4:

+ Bổ sung vào truyện loại lời kể bằng thơ nhằm gọi tả cuộc sống lương thiện, cần mẫn, đầm ấm của vợ chồng ông ngư.

+ Bổ sung vào truyện loại lời thoại bằng bài hát thể hiện tình cảm buồn thương, tiếc nuối của nhân vật Ngọa Vân.

+ Đang dạng hóa lời văn, tạo sắc thái cổ kính.

**d. Yếu tố kì ảo (Nhóm 3)**

- Phiếu học tập số 2.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÌM HIỂU NHÂN VẬT TRONG VĂN BẢN** | | |
| **Việc chọn nghề của Thúc Ngư** | **Nhân vật Ngọa Vân** | |
| Đồng tình/ không đồng tình:  …………………………………………….………..  ……………………………………………….……..  ……………………………………………………... | **Tính cách** | **Biểu hiện** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| Lí giải ý kiến của em:………………………………….. | Nhận xét:…………………………………… | |

**GỢI Ý ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP**  **TÌM HIỂU NHÂN VẬT TRONG VĂN BẢN** | | |
| **Việc chọn nghề của Thúc Ngư** | **Nhân vật Ngọa Vân** | |
| Đồng tình/ không đồng tình: Không đồng tình với quan niệm về việc học của Thúc Ngư được thể hiện qua lời thoại.  *+ Trong sách có cá không?*  *+ Lấy lời nói và việc làm của thánh hiền mà đánh cá có được không?*  *+ Trong sách đã không có cá, lòi nói lại không thể đem đánh được cá, con học làm gì?*  => Ba lượt thoại trên thể hiện rõ quan niệm đơn giản của Thúc Ngư: Phải lấy động cơ, hiệu quả thực tế, thực dụng (*giúp cha mẹ đánh được nhiều cá, bớt lam lũ vất vả*) làm mục đích để quyết định có đi học hay không. Mục đích của việc học là để giúp cha mẹ kiếm sống bằng nghề cá thuận lợi hơn. | **Tính cách** | **Biểu hiện** |
| Thuỳ mị, nết na nhưng tháo vát, giỏi giang. | *“ngồi lễ bốn lạy”*khi mới gặp vợ chồng thuyền chài; sắp xếp hai gã bán kinh đưa họ về nhà an toàn; trong bốn năm làm dâu, chăm chỉ chung sức gây dựng cơ đồ nhà chồng và là chỗ dựa vững chắc cho công việc đánh cá, giúp nhà chồng giàu có lên. |
| Có đức hi sinh, lòng vị tha, yêu thương chồng và gia đình nhà chồng. | Khi tai hoạ xảy ra, nàng đã hết lòng và xả thân cứu sống cả gia đình nhà chồng cùng gia sản của họ bằng cách lộ nguyên hình, biến thành con cá to chắn nước để cả nhà được an toàn qua cơn lũ. |
| Thể hiện tình nghĩa vẹn toàn chu đáo khi bắt buộc phải từ giã gia đình nhà chồng. | Chỉ cách cho Thúc Ngư thoát khỏi nạn chết đuối |
| **Lí giải ý kiến của em:**  Thúc Ngư cảm thấy việc học không áp dụng được cho việc đánh cá, mưu sinh nên cảm thấy vô ích. Quan niệm của Thúc Ngư về việc học là quan niệm hẹp hòi, thực dụng, bản chất cốt lõi của việc học là học đạo lí làm người, rèn luyện đạo đức, học tri thức – lao động trí óc nhưng lại quy đổi ra việc đánh cá – lao động chân tay.  Đây là một quan niệm rất sai lầm và thiển cận. | **Nhận xét:**  Thể hiện phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống qua từng lời nói, hành vi ứng xử của nàng.  **\*Tích hợp GD đạo đức, lối sống:** GD HS lòng yêu thương con người; giữ gìn, bảo tồn, phát huy trân trọng các giá trị văn hóa, của dân tộc ( nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam: thùy mị, nết na, giỏi giang…) | |

***e. Đặc điểm của truyện truyền kì trong văn bản “Truyện lạ nhà thuyền chài”****(Nhóm 4):*

(tham khảo sơ đồ sau):

***2. Tìm hiểu yếu tố kì ảo và ngôn ngữ của văn bản***

**- Bước 1:Giao nhiệm vụ học tập:**

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

(1) Nhóm 5 HS thực hiện PHT số 3 (câu 4).

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: TÌM HIỂU YẾU TỐ KÌ ẢO TRONG TRUYỆN TRUYỀN KÌ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng khắc hoạ nhân vật** | **Tác dụng thể hiện chủ đề** | | *Nhân vật và thế giới kì ảo*: nhân vật Ngoạ Vân, cha mẹ Ngoạ Vân, "gã bán kinh"; cuộc gặp gỡ kì lạ ở không gian biển khơi, đảo ấp; yếu tố "thiên cơ" và những luật lệ khác ở trần gian | Thể hiện nét đặc biệt của nhân vật kì ảo (có sức mạnh siêu nhiên), đồng thời thể hiện hình ảnh, tính cách của con người | Làm rõ chủ đề: ca ngợi sự hiếu nghĩa của người phụ nữ Việt Nam qua câu chuyện tình kì ảo giữa con người và thần linh | | *Hành động kì ảo*: việc gã bán kinh đưa cha mẹ Thúc Ngư về nhà, thuật rẽ nước và phép thuật chống lại sóng dữ của Ngoạ Vân | |

(2) Nhóm hai HS trả lời câu 5 trong SGK.

(3) Nhóm 2 HS xem lại tri thức đọc hiểu và các câu trả lời (câu 6) trong SGK.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời.

- Gv quan sát, cố vấn

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) 🡪 (2) 🡪 (3).

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- 4 – 6 HS trình bày sản phẩm. Các HS khác góp ý, bổ sung.

-GV tóm tắt câu trả lời của các nhóm, bổ sung:

**Câu 4:** Tác dụng khắc hoạ nhân vật: thể hiện nét đặc biệt của nhân vật kì ảo (có sức mạnh siêu nhiên), đồng thời thể hiện hình ảnh, tính cách của con người; Tác dụng thể hiện chủ đề:Ca ngợi sự hiếu nghĩa của người phụ nữ Việt Nam qua câu chuyện tình kì ảo giữa con người và thần linh.

**Câu 5:**

– **5a:**

+ Bài thơ ở đoạn 1: Bốn dòng thơ đầu chủ yếu tự sự; các dòng cuối kết hợp tự sự với biểu cảm (cụm từ mang tính biểu cảm: *cũng thật là* ...).

+ Bài hát ở đoạn 4: Lời của Ngoạ Vân (hát đi hát lại) để giã biệt chồng, cha mẹ chồng, và cũng nói với cả trời đất (*ông xanh*), đây cũng là một dạng đối thoại/ độc thoại nội tâm.

– **5b:** Tác dụng của việc dùng lời thơ ở đoạn 1, lời hát ở đoạn 4: nhằm đa dạng hoá ngôn ngữ kể chuyện, lời kể bằng thơ nhằm gợi tả cuộc sống lương thiện, cần mẫn, đầm ấm của vợ chồng ông ngư; lời thoại bằng bài hát thể hiện tình cảm buồn thương, tiếc nuối của nhân vật Ngoạ Vân.

(3) **Câu 6:** *Truyện lạ nhà thuyền chài* là một truyện truyền kì vì đã thể hiện đầy đủ các đặc điểm của truyện truyền kì: không gian, thời gian, nhân vật, cốt truyện của truyện đều mang đậm yếu tố kì ảo.

**NHIỆM VỤ 4. Luyện tập**

***\*Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:***GV giao nhiệm vụ cho HS:Truyện lạ nhà thuyền chài có phải là truyện truyền kì không? Dựa vào đâu em có thể khẳng định như vậy?

***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS làm việc cá nhân.

- GV quan sát, gợi mở (nếu cần).

***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

- Trình bày cá nhân.

- Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có).

***\*Bước 4: Kết luận, nhận định:***

- GV nhận xét thái độ tích cực chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS. => Chốt kiến thức.

- Động viên, khuyến khích những HS chưa hoàn thành được nhiệm vụ.

**NHIỆM VỤ 5: Vận dụng**

**\*Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ** Giao nhiệm vụ cho HS:những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**\*Bước 2.** **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện bài theo kĩ thuật khăn trải bàn.

**\*Bước 3.** **Báo cáo, thảo luận**:

Mời các HS có ý kiến khác nhau trình bày quan điểm của mình.

**\*Bước 4. GV kết luận, nhận định**: GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.

**Nội dung 4: ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**SƠN TINH, THUỶ TINH (Nguyễn Nhược Pháp)**

(Dự kiến thời gian: 45’)

1. **Mục tiêu:**

-HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

- Kết nối về chủ đề Thế giới kì ảo: HS cảm nhận được tính chất kì ảo trong câu chuyện được kể bằng thơ, củng cố kĩ năng đọc hiểu thơ hiện đại.

- Một số chỉ tiết kì ảo trong văn bản.

- Khung cảnh cuộc sống “ngày xưa” hoặc nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam.

- Chủ đề, cảm hứng chủ đạo của văn bản.

**b. Nội dung:**

- HS vận dụng trải nghiệm văn học để trả lời câu hỏi.

**-** HS đọc VB, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** Một số hình ảnh: Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, Thánh Gióng,...

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: Khởi động:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu HS: Nhìn hình ảnh, đoán tên các nhân vật trong truyện truyền thuyết.

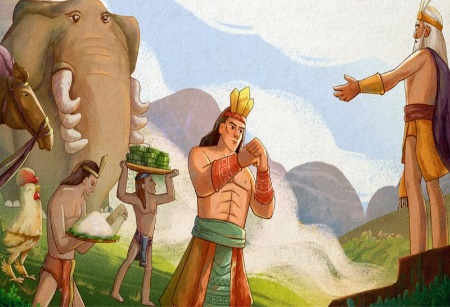
- HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**GV** chiếu hình ảnh

**HS:**

- Quan sát hình ảnh và suy nghĩ cá nhân để đưa ra câu trả lời.



**Sơn Tinh, Thủy Tinh Con Rồng cháu Tiên**



**Thánh Gióng Trọng Thủy Mỵ Châu**

(Nguồn: https://www.bachhoaxanh.com/kinh-nghiem-hay/top-10-truyen-thuyet-viet-nam-hay-nhat-vo-cung-y-nghia-1473460)

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV dẫn dắt vào bài: Các nhân vật có phép thuật cao cường như Sơn Tinh, Thuỷ Tinh không chỉ xuất hiện trong truyện truyền thuyết mà còn được khắc hoạ trong một bài thơ hiện đại của Nguyễn Nhược Pháp.

**Nhiệm vụ 2: I. Trải nghiệm cùng văn bản:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Hướng dẫn cách đọc.

-Trình bày kết quả tìm hiểu của em về tác giả Nguyễn Nhược Pháp và tác phẩm “Sơn Tinh - Thuỷ Tinh”.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** Yêu cầu HS đọc mẫu

- Yêu cầu HS khác nhận xét cách đọc

**HS** đọc mẫu

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**GV:** Gọi một số học sinh trả lời các câu hỏi.

**HS:**

- Đại diện trình bày từng nội dung trong câu hỏi.

- Những bạn còn lại lắng nghe và bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét cách đọc, từng nội dung của bạn

- Nhận xét sản phẩm trình bày của HS cũng như lời bổ sung của HS khác (nếu có), chốt sản phẩm lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo.

1. Tác giả Nguyễn Nhược Pháp (1914 - 1938) quê ở Hà Nội. Sáng tác của ông thuộc nhiều thể loại, nổi bật nhất là thơ.

2. Sơn Tinh - Thuỷ Tinh được đánh giá là một trong những bài thơ đặc sắc nhất của Nguyễn Nhược Pháp.

**Nhiệm vụ 3. II. Suy ngẫm và phản hồi.**

**1/Một số chỉ tiết kì ảo trong văn bản.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

Liệt kê và nêu tác dụng của một số chỉ tiết kì ảo trong văn bản.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thảo luận nhóm để trả lời .

- GV theo dõi, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

-GV gọi một học sinh bất kỳ trong các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

-Các học sinh khác theo dõi và nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm.

**a. Chi tiết kì ảo:**

– Đoàn dẫn lễ của Sơn Tinh: *Theo sau năm chục con voi xám/ Hục hặc, lưng cong phủ gấm điều/ Tải bạc, kim cương, vàng lấp loáng,/ Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.*

– Đoàn dẫn lễ của Thuỷ Tinh: *Theo sau cua đỏ và tôm cá,/ Chia đội năm mươi hòm ngọc trai./ Khập khiễng bò lê trên đất lạ,/ Trước thành tấp tểnh đi hàng hai*.

– Thuỷ Tinh gây hấn: *Thuỷ Tinh cưỡi lưng rồng hung hăng./ Cá voi quác mồm to muốn đớp,/ Cá mập quẫy đuôi, cuồng nhe răng,/ Càng cua lởm chởm giơ như mác,/ Tôm kềnh chạy quắp đuôi xôn xao.*

**b. Tác dụng:**

Tạo ra hình ảnh huyền bí, tượng trưng cho sức mạnh phi thường và vị thế quyền lực của cả Sơn Tinh và Thuỷ Tinh trong thế giới tưởng tượng. Đồng thời tác giả dân gian muốn giải thích hiện tượng lũ lụt, thể hiện sức mạnh, mong ước của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai.

1. **Khung cảnh cuộc sống “ngày xưa” hoặc nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

**GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi sau:**

Phân tích một số hình ảnh, chi tiết thể hiện khung cảnh cuộc sống “ngày xưa” hoặc nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời.

GV gợi ý

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.

Các HS khác theo dõi và nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận địn**

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

HS hoàn chỉnh các nội dung trong câu hỏi.

Hình ảnh, chi tiết thể hiện khung cảnh cuộc sống “ngày xưa” hoặc nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam: Một số chi tiết phản ánh tục thi tài kén rể, cảnh dẫn lễ vật, tình cảnh lưu luyến, bịn rịn của cô dâu – bố, mẹ cô dâu, cảnh rước dâu,…:

- My Nương bên lầu son tựa cửa/ Rèm ngọc lơ thơ phủ áo hồng -> xưa kia con của vua (công chúa) ở trong lầu son, là biểu tượng của sự giàu có và quý phái. Hình ảnh này thường gắn liền với cuộc sống thượng lưu và sang trọng. Rèm ngọc lơ và áo hồng là những chi tiết trang trí tinh tế, thường chỉ xuất hiện trong những không gian sang trọng và dành cho những người có địa vị cao. Màu áo hồng thường được liên kết với sự dịu dàng và nữ tính.

- Sơn Tinh đến lạy chào bên cửa,/ Vua thân ngự đón nàng Mỵ Nương -> Sơn Tinh đến hỏi cưới Mị Nương, kính chào trước vua.

- Kiệu nhỏ đưa nàng đi thoăn thoắt => Lễ cưới của công chúa không chỉ là việc lớn của hoàng gia, mà còn là chuyện hệ trọng của cung đình, đất nước. Khi kiệu hoa tới trước cửa, công chúa bước ra, bên trong, phò mã đã chờ sẵn bên kiệu, tự tay vén màn mời công chúa lên. Như vậy, theo tục lệ xưa, công chúa xưa kia khi được cưới về, thường có kiệu rước dâu.

*-> Nhờ các chi tiết đó, bài thơ đã làm sống dậy khung cảnh cuộc sống ngày xưa và nét văn hoá cổ truyền của người Việt Nam.*

**3. Chủ đề, cảm hứng chủ đạo của văn bản.**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi sau:** Xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo của văn bản.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời. GV gợi ý

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.

Các HS khác theo dõi và nhận xét.

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

HS hoàn chỉnh các nội dung trong câu hỏi.

a. Chủ đề của văn bản:

* Vua Hùng kén rể.
* Cuộc thi tài hỏi vợ và tranh chấp Mị Nương của hai vị thần Sơn Tinh, Thủy Tinh.
* Thông qua cuộc thi tài của hai vị thần Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, tác giả lí giải hiện tượng lũ lụt theo quan niệm dân gian.

b. Cảm hứng chủ đạo của văn bản: Ngợi ca việc vua Hùng chọn rể hiền tài, tài năng, tinh thần thượng võ của Sơn Tinh, bày tỏ niềm ngạc nhiên trước việc thần linh đi hỏi vợ, hờn ghen chẳng khác gì người trần gian.

**Nhiệm vụ 4. Luyện tập**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

**-GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi sau:**

Tìm một số chi tiết cho thấy sự khác biệt về cách miêu tả nhân vật trong văn bản Sơn Tinh, Thuỷ Tinh (thơ Nguyễn Nhược Pháp) và văn bản Sơn Tinh, Thuỷ Tinh (truyền thuyết).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

-HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời.

-GV gợi ý

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

-GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.

-Các HS khác theo dõi và nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

-GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

-HS hoàn chỉnh các nội dung trong câu hỏi.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật được miêu tả** | **Sơn Tinh, Thuỷ Tinh**  **(trong thơ Nguyễn Nhược Pháp)** | **Sơn Tinh, Thuỷ Tinh**  **(trong truyền thuyết)** |
| Nhân vật Sơn Tinh | Có nhiều chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói, giống con người. Ví dụ: *Sơn Tinh ngồi bạch hổ đi đầu/ Mình phủ áo bào hồng ngọc dát/ Tay ghì cương hổ, tay cầm lau* | Chỉ có lời kể hành động, sự việc; hầu như không có các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói |
| Nhân vật Thuỷ Tinh | Có nhiều chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói giống con người  Ví dụ: *Thuỷ Tinh ngồi trên lưng rồng vàng,/ Yên gấm tung dài bay đỏ choé,/ Mình khoác bào xanh da giời quang* | Chỉ có lời kể hành động, sự việc; hầu như không có các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành vi, lời nói |

**Nhiệm vụ 5: Vận dụng**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập** Vẽ tranh thể hiện một hình ảnh thơ mà em ấn tượng nhất.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS vẽ tranh.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV khuyến khích học sinh hoàn thành sản phẩm.

**Bước 4: Kết luận, nhận định** GV nhận xét và tuyên dương sản phẩm của học sinh.

**Nội dung 5: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**CÁCH DẪN TRỰC TIẾP, CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

**VÀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CÂU**

(Dự kiến thời gian: 45’)

***a. Mục tiêu:***

– Kích hoạt được hiểu biết kiến thức nền liên quan đến nội dung bài học.

– Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

-Nhận biết và phân tích được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.

***b. Nội dung:***HS trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Nội dung cột K và W trong phiếu K-W-L; câu trả lời miệng của HS về nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Nhiệm vụ 1: Khởi động**

**Bước 1:****Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

Đọc nhanh nội dung phần *Tri thức Ngữ văn* (Tri thức tiếng Việt) và *Thực hành tiếng Việt* để xác định nhiệm vụ học tập.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, gợi mở

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- GV giới thiệu bài học và nhiệm vụ học tập.

*Trong các tác phẩm Văn học, tác giả không đơn giản chỉ kể lại câu chuyện mà còn tìm cách khiến câu chuyện trở nên sinh động và chân thực hơn. Một trong những cách khiến câu chuyện trở nên thú vị, chân thực hơn đó là tác giả dùng các câu dẫn trực tiếp và câu dẫn gián tiếp. Để hiểu hơn về điều này, hôm nay chúng ta sẽ cùng ôn lại bài học cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp*

**Nhiệm vụ 2: I.Tri thức tiếng Việt**

***CÁCH DẪN TRỰC TIẾP, CÁCH DẪN GIÁN TIẾP VÀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU CÂU***

*\** **Bước 1.** *Giao nhiệm vụ học tập:*

(1)HS đọc *Tri thức tiếng Việt* trong SGK thực hiện PHT.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: TÌM HIỂU VỀ CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Khái niệm** | **Dấu hiệu nhận biết** | **Nêu ví dụ** | | Dẫn trực tiếp |  |  |  | | Dẫn gián tiếp |  |  |  | |

(2) Nhóm 2 HS tìm sự khác nhau trong cách dẫn lời nói của nhân vật trong hai ví dụ sau:

a. Thành xem trăn trở, tự nhủ: "Phải chăng bức vẽ này chỉ cho ta chỗ bắt dế?"

b. Đoạn “Rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang, ngửa mặt lên trời mà than rằng: Kẻ bạc mệnh này, ...”.

*\** **Bước 2.** *Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự từ (1) 🡪 (2).

*\** **Bước 3.** *Báo cáo, thảo luận:* 2 – 4 HS trình bày sản phẩm.

*\** **Bước 4.** *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, khen ngợi những HS thực hiện tốt yêu cầu được giao, đồng thời chốt kiến thức.

(1)**PHIẾU HỌC TẬP: TÌM HIỂU VỀ CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Khái niệm** | **Dấu hiệu nhận biết** | **Nêu ví dụ** |
| Dẫn trực tiếp | Là việc nhắc lại nguyên văn lời nói, suy nghĩ của nhân vật hay một người nào đó. | Thường được đặt trong dấu ngoặc kép. | Tục ngữ đã có câu: “Lá lành đùm lá rách”. |
| Dẫn gián tiếp | Là việc thuật lại lời nói hay nêu lại ý nghĩ của người hoặc nhân vật khác. | Lời dẫn gián tiếp thường sẽ có những điều chỉnh thích hợp ở trong đoạn văn và chúng không đặt bên trong dấu ngoặc kép. | Thúy Ngân bảo là ngày mai bạn ấy không đến được. |

(2)

a. Lời dẫn trực tiếp thuật lại ý nghĩ của nhân vật: "Phải chăng bức vẽ này chỉ cho ta chỗ bắt dế?"

b. Lời dẫn trực tiếp thuật lại lời nói của nhân vật: Kẻ bạc mệnh này, ...

**Nhiệm vụ 3: II. Luyện tập**

*\** **Bước 1.** *Giao nhiệm vụ học tập:* Thực hiện các bài tập 1, 2, 3 trong SGK.

*\** **Bước 2.** *Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm HS lần lượt thực hiện các bài tập.

*\** **Bước 3.** *Báo cáo, thảo luận:* 2 – 4 HS báo cáo kết quả thực hiện, các HS khác trao đổi, bổ sung.

*\** **Bước 4.** *Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS và gợi ý:

**Bài tập 1:**

**–** Lời dẫn: *Nuôi vật hèn kém cuối cùng cũng vô dụng, chi bằng đem chọi lấy một tiếng cười*.

– Cách dẫn: Dùng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép nhắc lại nguyên văn ý nghĩ của nhân vật Thành.

**Bài tập 2:**

a. 5 lần. Trong 5 lần cụm từ “cụ lớn” được sử dụng trong lời thoại của ông Giuốc-đanh, có 3 lần là lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép và 2 lần là lời dẫn gián tiếp. (Ông Giuốc-đanh – "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng "cụ lớn" đáng thưởng lắm. "Cụ lớn" không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây).

b. Cách ông Giuốc-đanh sử dụng cụm từ cụ lớn lặp đi lặp lại thể hiện ông ta rất thích thú, hài lòng khi được thợ phụ gọi mình như vậy; qua đó cho thấy nét tính cách "trưởng giả học làm sang" của ông ta.

c. Đoạn văn sau dùng cách dẫn trực tiếp thứ hai: Biết ông Giuốc-đanh là "trưởng giả học làm sang", gã thợ phụ bèn nghĩ cách dùng lời nịnh nọt ngọt ngào để vòi tiền ông ta:

*– Bẩm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lớn lắm lắm.*

Nghe vậy, ông Giuốc-đanh vô cùng đắc ý. Ông thốt lên:

*– "Cụ lớn", ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng "cụ lớn" đáng thưởng lắm. "Cụ lớn" không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây.*

**Bài tập 3:**

a. Lời nói của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích được Nguyễn Dữ sử dụng cách dẫn trực tiếp bằng dấu hai chấm và đặt lời nói của lời nói của Vũ Nương sau gạch đầu dòng.

b. Theo cách dẫn gián tiếp, lời nói của nhân vật Vũ Nương có thể được thuật lại như sau: Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.

Chàng vội gọi, nhưng nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào. Vũ Nương nói cho Trương Sinh biết rằng nàng đã thề sống chết không bỏ Linh Phi, rằng rất đa tạ chàng nhưng nàng chẳng trở về nhân gian được nữa.

Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.

c. Điểm khác biệt giữa lời nói của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích trên và phần thuật lại của HS: một bên là lời dẫn cách dẫn trực tiếp; một bên là lời dẫn cách dẫn gián tiếp.

**Nhiệm vụ 4: Vận dụng**

*\** **Bước 1.** *Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Mỗi HS ghi ít nhất một ý trả lời cho hai câu hỏi sau:

– Em đã học được những điều gì về sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp?

– Trong giao tiếp, khi dùng cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp, em đã rút ra được những lưu ý gì?

(2) Tìm trong bài thơ có lời dẫn trực tiếp.

(3) Viết đoạn thoại có lời dẫn, phân loại.

*\** **Bước 2.** *Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.

*\** **Bước 3.** *Báo cáo, thảo luận:* GV mời một vài nhóm trả lời câu hỏi.

*\** **Bước 4.** *Kết luận, nhận định:*GV tổng kết câu trả lời của HS, trên cơ sở đó hướng dẫn HS rút ra lưu ý: khi đọc truyện truyền kì và về những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói.

-Hs dựa vào tri thức ngữ văn trả lời câu hỏi

- Đoạn thơ:

“*Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh*:

* *Bố ở chiến khu bố còn việc bố*

*Mày có viết thư chớ kể này kể nọ*

*Cứ bào* *nhà vẫn được bình yên*”

(Bếp lửa – Bằng Việt)

* Lời dẫn trực tiếp (thấy được đức hy sinh của người bà)

1. HS trình bày đoạn thoại có lời dẫn theo Bảng kiểm sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Nội dung | * Đoạn thoại hoàn chỉnh * Có dùng lời dẫn |  |  |
| Hình thức | * Lượng câu * Nói to, rõ |  |  |

**Nội dung 6: Đọc mở rộng thể loại: DẾ CHỌI (Bồ Tùng Linh)**

(Dự kiến thời gian: 45’)

**a. MỤC TIÊU**

***a. Mục tiêu:***

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

– Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

– Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: Khởi động:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia lớp thành 4 nhóm, tham gia trò chơi *Đuổi hình bắt chữ: Dựa vào những hình ảnh dưới đây để đoán tên các trò chơi dân gian.*

*-*Các nhóm sử dụng chuông để ra tín hiệu trả lời, nhóm nào trả lời nhanh và đúng nhiều nhất sẽ giành chiến thắng.

- Hình ảnh của trò chơi:



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV mời đại diện 1 - 2 HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét, đánh giá.

- GV dẫn dắt vào bài.

Gợi mở: *Hình 1 -  cờ chém, hình 2 – chơi chuyền, hình 3 – chọi gà, hình 4 – chi chi chành chành, hình 5 – mèo đuổi chuột, hình 6 – cướp cờ, hình 7 – cá sấu lên bờ.*

GV dẫn dắt vào bài học mới: *Lấy cảm hứng từ một trò chơi dân gian – chọi dế, nhà văn Bồ Tùng Linh thông qua tác phẩm****Dế chọi****đã phản ánh một hiện thực khốc liệt, đen tối của xã hội phong kiến quân chủ chuyên chế với nhiều áp bức, bất công. Ở bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu kiến thức về những đặc trưng của thể truyền kì thông qua tác phẩm này*

**Nhiệm vụ 2: Trải nghiệm cùng văn bản**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chuyển giao nhiệm vụ:GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà các nhiệm vụ học tập sau:

(1) Đọc VB *Dế chọi* trong SGK.

(2)  *Trình bày những hiểu biết chung về tác giả Bồ Tùng Linh và tác phẩm****Dế chọi****.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 1 - 2 HS trình bày sản phẩm.

- GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**1. Đọc**

- Cách đọc: Khi đọc truyện truyền kì, cần tóm tắt truyện, xác định không gian, thời gian trong truyện, tìm hiểu các nhân vật, chỉ ra và nêu tác dụng của các chi tiết kì ảo, nêu chủ đề của truyện…

**2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

**a. Tác giả**

- Bồ Tùng Linh (1640 – 1715) là nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc thời nhà Thanh.

- Ông để lại khối lượng lớn tác phẩm thuộc nhiều thể loại, trong đó tiêu biểu nhất là *Liêu trai chí dị.*

**b. Tác phẩm**

- *Liêu trai chí dị*là tập sách gồm gần 500 truyện, khai thác cốt truyện từ truyện dân gian và từ những truyện kì lạ, hoang đường của một số tác giả thời trước. Tập sách được dịch ra nhiêu thứ tiếng, bắt đầu phổ biến ở Việt Nam từ thế kỉ XIX.

 - *Dế chọi*là một trong số 500 truyện thuộc *Liêu trai chí dị.*

*-* Tóm tắt:

Thành Danh – một chức dịch hiền lành không dám bổ bán dân chúng tìm dế chọi dâng vua nên phải tự đi tìm dế chọi. Bi kịch của gia đình anh bắt nguồn từ đó. Bọn quan lại muốn lấy lòng vua nên đem dâng vua con dế chọi. “Vua thấy chọi hay quá đòi phải cung tiến th¬ường xuyên”. Vì phải tìm mua dế dâng vua mà bao gia đình lâm vào thảm cảnh. Nhiều gia đình khuynh gia bại sản khi đến lượt nộp dế. Một trong những thảm cảnh do lệ nộp dế chọi gây ra chính là thảm kịch của gia đình Thành Danh. Thành Danh hiền lành nên không dám sách nhiễu dân chúng, lo lắng quá nên phải tự đi tìm dế. Tìm mãi không được, hạn nộp dế đã hết, Thành Danh bị quan phạt, bị đánh đập, lo lắng muốn tự vẫn. Vợ Thành đi xem bói, biết nơi có dế tốt. Thành đã bắt được một con dế chọi như ý. Nhưng không may con Thành làm dế bị chết. Bị mẹ mắng, nó sợ hãi nhảy xuống giếng và bị chết đuối. Thành mất con, mất dế. Con Thành sống lại nhưng vô hồn. Hồn con Thành hoá thân vào con dế chọi. Dế nhỏ nhưng nhanh nhẹn và chọi rất giỏi. Dế mang dâng vua, chọi giỏi lại biết nhảy múa, vua rất vừa lòng và ban thưởng cho quan tỉnh. Gia đình Thành Danh được giàu sang phú quý, “Ruộng đồng trăm khoảnh… ngựa xe vượt cả các bậc quyền thế.

Các sự kiện trong văn bản được sắp xếp theo trình tự hợp lí, phù hợp. Không theo dòng thời gian trước sau nhưng đó là ý đồ của tác giả, nhằm giải thích và tạo ấn tượng cho câu chuyện

**Nhiệm vụ 3: Suy ngẫm và phản hồi.**

**1.Tìm hiểu cốt truyện, không gian, thời gian và nhân vật của văn bản *Dế chọi.***

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi Think – Pair – Share, thực hiện yêu cầu sau:

+ *Vẽ sơ đồ các sự kiện tạo nên cốt truyện của tác phẩm “Dế chọi”.*

*+ Nhận xét ngắn gọn về không gian, thời gian trong chuyện vào bảng sau:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Không gian** |  |
| **Thời gian** |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời đại diện 1 – 2 HS mỗi nhóm trình bày kết quả.

- Các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi (nếu có).

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mớI.

Gợi ý: **a. Cốt truyện:** Diễn biến sự kiện:

– Tục dâng tiến dế cho vua quan khiến dân quê khốn đốn. Thành Danh bị giao nộp và phải tìm mọi cách để bắt được dế quý.

– Danh tìm được một con thì đứa con trai làm sổng mất. Đứa con trai sợ quá bỏ đi và chết dưới giếng.

– Theo lời một cô đồng, Danh tìm được con dế lạ, Danh đem chọi với các con dế khác và luôn luôn thắng cuộc.

– Dế được đem tiến lên trên, quan trên và vua đều rất hài lòng. Nhờ đó, quan được thăng tiến. Thành Danh cũng được ban thưởng. Con Thành Danh hoá dế trở lại làm người, gia đình Danh hưởng bổng lộc, đời đời sung túc.

**b.  Không gian, thời gian và nhân vật của văn bản**

- Không gian:

+ Không gian trong truyện là không gian gắn với sinh hoạt của các nhân vật (hẹp thì có ngôi nhà của Thành, điện thờ của bà đồng gù làm nghề bói toán, ngôi chùa có mộ cổ nơi Thành đi tìm dế, cái thôn nhỏ nơi Thành sinh sống,...

+ Rộng hơn thì có huyện Hoa Âm, tỉnh Thiểm Tây, cung vua – những địa danh xác thực).

- Thời gian:

+ Thời gian cũng có sự tương ứng với đặc điểm của không gian (gắn với sinh hoạt đời thường của con người). Đứa con trai của Thành biến thành dế chỉ “hơn một năm” và cũng chỉ “sau vài năm, nhờ được trọng thưởng và nâng đỡ, Thành phất lên, có cơ ngơi bề thế, giàu sang phú quý tột bậc.

+ Điều đáng chú ý: toàn bộ câu chuyện diễn ra trong thời điểm xác định của lịch sử (đời Tuyên Đức nhà Minh). Sự chính xác về thời điểm lịch sử như vậy đã bao hàm thái độ mỉa mai của tác giả đối với xã hội

**2.** **Điểm tương đồng, khác biệt vẻ số phận của nhân vật Thành Danh trước và sau khi tìm được dế quý dâng quan.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

**GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi sau:**

Phân tích điểm tương đồng, khác biệt về số phận của nhân vật Thành Danh trước và sau khi tìm được dế quý dâng quan.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời.

GV gợi ý

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.

Các HS khác theo dõi và nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

– Điểm tương đồng: Trước và sau khi bắt được dế quý, số phận Thành Danh đều bị lệ thuộc vào việc tìm bắt được dế quý.

– Điểm khác biệt: Trước khi bắt được dế: Thành Danh là nạn nhân; sống trong tình trạng lo lắng, khốn khổ, điêu đứng; tai hoạ ập đến: dế sổng, con chết; sau khi bắt được dế: được trọng vọng, ân thưởng, sống đời sống sung túc, con trai sống lại.

**3.Một số biểu hiện của yếu tố kì ảo trong văn bản và tác dụng của yếu tố này trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

**GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi sau:**

Chỉ ra một số biểu hiện của yếu tố kì ảo trong văn bản và tác dụng của yếu tố này trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời. GV gợi ý

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi.

Các HS khác theo dõi và nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

HS hoàn chỉnh các nội dung trong câu hỏi.

\*Một số biểu hiện của yếu tố kì ảo trong văn bản:

- con trai hóa thành dế

- Cô đồng cho chỉ dẫn để bắt được dế

- Con trai chết đi nhưng sau đó sống lại

\*Tác dụng: - Vừa thể hiện được sự bấp bênh của số phận những người dân lao động nghèo, vừa tạo nên sức hấp dẫn cho câu chuyện. Số phận, sự sống chết, nghèo hèn hay giàu sang của người dân thấp cổ bé họng hoàn toàn phụ thuộc vào niềm vui hay sự phật ý thất thường của giai cấp thống trị trong xã hội phong kiến Trung Quốc thời Tuyên Đức. Những tình huống may rủi mà Thành Danh từng gặp trong tác phẩm làm cho câu chuyện tăng phần hấp dẫn nhưng về nội dung lại khiến người đọc phải suy nghĩ về cuộc sống con người trong xã hội đương thời.

-Thể hiện chủ đề: tố cáo tầng lớp quan lại, vua chúa: vì ý thích quái gở của mình mà làm cho bao người lâm vào cảnh cùng quẫn.

**\*Tích hợp GD quyền con người:** quyền con người trong xã hội phong kiến quá bé nhỏ. Họ không có quyền được sống, được bảo vệ. Số phận của con người bị lệ thuộc hoàn toàn bọn cầm quyền, thậm chí chỉ là để thỏa mãn đam mê, sở thích quái gở của bọn chúng.

**Nhiệm vụ 3: Luyện tập**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi sau:**

Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết Dế chọi là truyện truyền kì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ và tìm các phương án trả lời. GV gợi ý

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi một số học sinh trả lời câu hỏi. Các HS khác theo dõi và nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

HS hoàn chỉnh các nội dung trong câu hỏi.

Gợi ý: Dế chọi là truyện truyền kì vì nó là câu chuyện kì lạ được ghi chép tản mạn, có yếu tố hoang đường kì ảo, nhân vật khao khát cuộc sống yên bình, hạnh phúc. Nó kể ra câu chuyện ngắn gọn với một số chi tiết li kì, biến ảo về việc gia đình Thành Danh tìm bắt, nuôi nấng dế chọi để cống nạp cho nhà vua.

**Nhiệm vụ 4: Vận dụng**

**Bước 1.GV giao nhiệm vụ:**

Theo em, nếu bỏ đi phản “lời bàn của tác giả” ở cuối truyện thì việc đọc hiểu truyện Dế chọi có khó khăn/ thuận lợi gì?

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV quan sát, gợi mở

- HS quan sát, suy nghĩ

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận** GV mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

HS trả lời câu hỏi

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

GV nhận xét và tuyên dương sản phẩm của học sinh.

Theo em, nếu bỏ đi phản “lời bàn của tác giả” ở cuối truyện thì việc đọc hiểu truyện Dế chọi có khó khăn trong việc hiểu về nguồn gốc của con dế và khó lí giải cho việc nhận thưởng của Thành Danh. Đồng thời không thể hiện hết ý của tác giả: khao khát cuộc sống hạnh phúc nên phải hi sinh.

Lời bàn của tác giả ở cuối truyệngiúp cho người đọc hiểu rõ hơn chủ đề, thông điệp của tác giả muốn gửi gắm.

**Nội dung 7: VIẾT**

**VIẾT MỘT TRUYỆN SÁNG TẠO DỰA TRÊN MỘT TRUYỆN ĐÃ ĐỌC**

(Dự kiến thời gian: 80’)

***a. Mục tiêu:***

– Kiến thức về kiểu bài viết một truyện kể sáng tạo, mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

-Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.

***b. Nội dung:***

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Nhiệm vụ 1. Khởi động**

*\** **Bước 1.** *Giao nhiệm vụ học tập:*

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS: *Em đã học những câu chuyện nào được kể lại từ một tác phẩm truyện có sẵn chưa? Hãy kể tóm tắt lại câu chuyện ấy? Câu chuyện này có ý nghĩa gì khác so với câu chuyện gốc ban đầu?*

*-* GV cho HS tham khảo câu chuyện: *“Sơn Tinh Thủy Tinh thời nay”* của tác giả Dương Văn Ni

*-Theo em, yếu tố nào quan trọng nhất khi viết bài văn truyện kể sáng tạo dựa trên một tác phẩm truyện đã học?*

*\** **Bước 2.** *Thực hiện nhiệm vụ*: Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.

*\** **Bước 3.** *Báo cáo, thảo luận:* - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

*\** **Bước 4.** *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ học tập.

GV nhận xét chốt đáp án: Khi viết bài văn truyện kể sáng tạo dựa trên một tác phẩm truyện đã học yếu tố quan trọng nhất đó là sự sáng tạo của người viết. Để tạo nên một câu chuyện hợp lí, bám sát tác phẩm gốc nhưng vẫn có sự mới mẻ, thú vị riêng.

**-**GV dẫn dắt vào bài: *viết bài văn truyện kể sáng tạo dựa trên một tác phẩm truyện đã học là một cách để học sinh có thể sáng tạo, phân tích, đi sâu củng cố nội dung tác phẩm đã học. Và trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu và tiến hành viết bài văn kể sáng tạo dựa trên một tác phẩm truyện đã học.*

**Nhiệm vụ 2: I. Tri thức về kiểu bài**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ: yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ.**

- HS nghe GV yêu cầu, đọc kiến thức trong SGK

-HS thảo luận theo nhóm (2 bàn 1 nhóm)

? Bài văn *Viết một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện* là kiểu bài gì và có những yêu cầu gì?

? Vẽ sơ đồ bố cục kiểu bài.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV mời 1 HS của nhóm trình bày nội dung từng phần

- Các nhóm treo sơ đồ, sau đó cả lớp thảo luận.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**1. Khái niệm**

Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể đã đọc là dùng trí tưởng tượng và kĩ năng kể chuyện của người viết để viết một truyện kể bằng cách phỏng theo một truyện đã đọc với những sáng tạo, kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể.

1. **Yêu cầu đối với kiểu bài: (SGK)**

**\*PHIẾU TÌM Ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Truyện gốc** | **Truyện mô phỏng** |
| Tên truyện |  |  |
| Các tình tiết, sự kiện chính |  |  |
| Bối cảnh câu chuyện |  |  |
| Các nhân vật |  |  |
| Ngôi kể |  |  |
| Chủ đề |  |  |

\*Vẽ sơ đồ dàn ý cho bài viết:

**Mở đầu truyện**

– Bối cảnh xảy ra câu chuyện:

...................................................................

– Nhân vật chính:

.....................................................................

**Diễn biến truyện**

– Sự việc thứ nhất

...................................................................

– Sự việc thứ hai

..................................................................

– Sự việc thứ ....

...................................................................

**Kết thúc truyện**

Vấn đề được giải quyết

...................................................................

hoặc trình bày những suy ngẫm

...................................................................

**Nhiệm vụ 3: II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

*\****Bước 1.** *Giao nhiệm vụ học tập*:

(1) HS phần tóm tắt truyện *Sự tích con trâu* trong SGK (phần chú giải cuối trang 115). (Lưu ý: Trước tiết học này, GV có thể giao cho HS bài tập về nhà: tìm đọc toàn văn truyện *Sự tích con trâu*).

(2) Đọc thầm VB *Con trâu* trong SGK:

– So sánh những điểm giống và khác nhau giữa truyện *Sự tích con trâu* và VB *Con trâu.*

– Đối chiếu các đoạn trong bài văn đã được đánh số và box thông tin tương ứng ở bên phải VB.

(3) Thảo luận về các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB.

*\** **Bước 2.** *Thực hiện nhiệm vụ*: HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ từ (1) 🡪 (2) 🡪 (3).

*\** **Bước 3.** *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày câu trả lời.

*\** **Bước 4.** *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS nhận biết:

(1) VB *Con trâu* về cơ bản giống cốt truyện *Sự tích con trâu* nhưng có một số thay đổi.

(2) Nhấn mạnh các box thông tin ở bên phải VB thể hiện rõ yêu cầu đối với việc mô phỏng lại một truyện đã đọc*.*

(3) Trả lời các câu hỏi:

**Câu 1:** Tính sáng tạo của VB truyện so với truyện gốc được thể hiện ở những điểm sau:

– Có phần dẫn dắt của tác giả ở đầu VB.

– Có sự thay đổi về ngôi kể chuyện từ góc nhìn thứ ba sang ngôi thứ nhất.

– Kết hợp các yếu tố biểu cảm và miêu tả trong VB. Ví dụ:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chi tiết, sự việc trong VBgốc** | **Chi tiết, sự việc trongVB *Con trâu*** |
| Ngọc Hoàng sai một vị thần mang hai túi hạt giống, một túi đựng hạt giống ngũ cốc, một túi đựng hạt giống cỏ, gieo xuống trần gian để giúp cho muôn loài có thức ăn | Giời sinh ra loài người và các giống vật nuôi, nhưng không muốn để chúng cứ ăn thịt lẫn nhau, bèn tạo ra ngũ cốc và cỏ. Ấy là mười hạt giống và một nắm rễ, mà Đức Ngọc Hoàng, một buổi sớm mát lành, vời một vị thần trên thiên đình đến giao cho, với những lời dặn:  – Nhà ngươi mang mười hạt giống này gieo xuống trần gian, mỗi hạt sẽ hoá thành muôn nghìn hạt nhỏ mọc mầm ở trên đất và gây thành ngũ cốc cho loài người; còn nắm rễ này thì nhà ngươi ném từng cái một xuống những khoảng đất nào mà ngũ cốc không lan tới, rễ sẽ nảy ra từng cánh đồng cỏ cho loài vật. Nhưng nên nhớ kĩ rằng phải gieo ngũ cốc trước đã, rồi mới ném cỏ xuống sau |

**Câu 2:**

– Yếu tố miêu tả kết hợp biểu cảm: Các chi tiết miêu tả vẻ bề ngoài của thiên thần, khung cảnh thiên nhiên đồi núi khô nẻ trước khi gieo,... kết hợp với việc thể hiện một cách gián tiếp tình cảm của người kể đối với các nhân vật, sự việc trong câu chuyện qua cách miêu tả, cách dùng từ. Ví dụ: tình cảm yêu thương, tươi vui qua cách dùng từ: "Ấy là mười hạt giống, một buổi sớm mát lành"; sự thán phục với vị thần qua cách miêu tả "In bóng lên tầng mây năm sắc rực rỡ, hình thù vị thần ấy cũng lộng lẫy, uy nghiệm,..."; niềm hi vọng qua cách dùng từ "Nhưng cái màu xanh đầy sinh khí, cái màu xanh của ngăn ngắt và nõn nà, sắp sửa nảy mầm rồi."

**Câu 3:** VB trên đã đáp ứng yêu cầu về phần mở đầu, diễn biến, kết thúc vì:

– Mở đầu: Giới thiệu về lí do có câu chuyện *Con trâu*.

+ Diễn biến truyện: Các sự kiện chính xảy ra theo logic hợp lí, kết hợp giữa các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

+ Kết thúc: Nhân vật đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng nên bị trừng phạt.

**Câu 4:** HS có thể rút ra được những lưu ý khi viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể đã đọc đó là:

+ Có thể thêm, bớt hoặc điều chỉnh một vài chi tiết nhưng cần đảm bảo nội dung chính, cải biên quá nhiều sẽ làm mất đi ý nghĩa của truyện.

+ Sử dụng các yếu tố biểu cảm và miêu tả để tăng tính hấp dẫn, truyền cảm cho truyện.

**Nhiệm vụ 4. III. Hoạt động hướng dẫn quy trình viết**

*\** **Bước 1.** *Giao nhiệm vụ học tập:* HS thảo luận và điền thông tin vào PHT.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP: Quy trình viết bài văn**   |  |  | | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Tác dụng** | | **Bước 1: *Chuẩn bị trước khi viết*** |  | | **Bước 2: *Tìm ý và lập dàn ý*** |  | | **Bước 3: *Viết bài*** |  | | **Bước 4: *Xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*** |  | |

*\** **Bước 2.** *Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.

Hoàn thành bảng kiểm bên dưới:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | | **Đạt** | | **Chưa đạt** | |
| Mở đầu truyện |  |  | |  | |
|  |  | |  | |
|  |  | |  | |
| Diễn biến truyện |  |  | |  | |
|  |  | |  | |
| Kết thúc truyện |  |  | |  | |
|  |  | |  | |
| Kĩ năng sử dụng lời văn kể chuyện |  |  | |  | |
|  |  | |  | |
|  |  | |  | |

*\** **Bước 3.** *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận.

*\** **Bước 4.** *Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS và bổ sung (nếu cần).

**Đề bài: (trang 117 sgk Ngữ văn 9 Tập 1): Viết một truyện kể sáng tạo với đề tài tự chọn, phỏng theo một truyện đã đọc (khoảng 1000 chữ) có sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm**

**Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**

Căn cứ vào tính mở của đề bài, em có thể chọn một truyện kể, truyện phim

Mà em đã đọc/đã xem theo sở thích. Lưu ý các tiêu chí lựa chọn:

• Nội dung truyện phù hợp với thuần phong mĩ tục, có ý nghĩa giáo dục.

• Nhân vật, cốt truyện không quá phức tạp, số trang viết vừa phải,...

• Vừa sức và thuận lợi đối với việc phát huy sự sáng tạo của bản thân.

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**

• Đọc kĩ truyện đã tìm, xác định chủ đề, đặc điểm nội dung, hình thức của truyện kể sẽ phỏng theo tóm tắt chuỗi sự kiện, nhân vật (theo dạng sơ đồ).

• Trả lời một số câu hỏi dưới đây để định hướng cho việc viết lại thành văn bản truyện kể mới:

- Với chủ để của truyện gốc, nên phát triển, khơi sâu một khía cạnh hay nắn lại chủ để theo một hướng nào khác?

- Cần thay đổi các yếu tố hình thức của truyện theo hướng nào? (Nên bổ sung những gì vào cốt truyện, nhân vật, bối cảnh của truyện gốc? Nên thay đổi ngôi kể, cách kể chuyện hay không?...)

- Đọc lại truyện “Con trâu”, đối chiếu với truyện kể dân gian về “Sự tích con trâu” để học cách viết truyện mô phỏng.

Dựa vào dàn ý ở mục *Tri thức về kiểu văn bản* và những nội dung đã chuẩn bị được trong khâu tìm ý để lập dàn ý.

**Bước 3: Viết bài**

Viết văn bản dựa vào dàn ý đã lập; chú ý kết hợp trần thuật với miêu tả, biểu cảm.

*Lưu ý:* Khi viết một truyện kể sáng tạo trên cơ sở phỏng theo một truyện đã đọc, em cần học tập cách hư cấu sáng tạo của các nhà văn. Ví dụ: Em có thể đối chiếu bài thơ *Sơn Tinh, Thủy Tinh* của Nguyễn Nhược Pháp với truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh* hoặc đối chiếu bài thơ ngụ ngôn *Chó sói và chiên con* của La Phông-ten với truyện ngụ ngôn *Chó sói và cừu non* của E-dốp,... và học cách sáng tạo của các tác giả dựa trên điểm tựa từ tác phẩm gốc.

**Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

Đọc lại bài viết, sử dụng bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá về kĩ năng viết một truyện kể sáng tạo. Qua đó, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm.

**Bảng kiểm kĩ năng viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng truyện đã đọc.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Mở đầu truyện | Giới thiệu nhân vật/bối cảnh/ nội dung chính của câu chuyện. |  |  |
| Có phần dẫn dắt lôi cuốn, thu hút sự chú ý của người đọc. |  |  |
| Đảm bảo nội dung chính của truyện gốc. |  |  |
| Diễn biến truyện | Có nhân vật. |  |  |
| Có cốt truyện. |  |  |
| Sử dụn ngôi kể phù hợp. |  |  |
| Câu chuyện được thuật lại với sự kiện, diễn biến hợp lí. |  |  |
| Thể hiện sự sáng tạo của bản thân người viết (về nhân vật/ sự kiện/ tình huống, bối cảnh/ chi tiết...) |  |  |
| Kết hợp lời kể với lời miêu tả, biểu cảm. |  |  |
| Làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính. |  |  |
| Nội dung truyện kể có ý nghĩa, có tính giáo dục. |  |  |
| Kết thúc truyện | Phù hợp với diễn biến câu chuyện. |  |  |
| Gây ấn tượng hoặc gợi suy nghĩ đối với người đọc. |  |  |
| Kĩ năng sử dụng lời văn kể chuyện | Câu văn giàu hình ảnh. |  |  |
| Lời kể linh hoạt, tự nhiên. |  |  |
| Đảm bảo dung lượng khoảng 1000 chữ. |  |  |

**Nhiệm vụ 5.**  **Luyện tập**

**VIẾT MỘT TRUYỆN KỂ SÁNG TẠO, PHỎNG MỘT TRUYỆN ĐÃ ĐỌC CÓ SỬ DỤNG CÁC YẾU TỐ MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

**Hoạt động làm mẫu thao tác viết**

*Lưu ý:* Tuỳ theo trình độ của người học, đặc điểm kiểu bài mà GV chọn làm mẫu kĩ năng viết phù hợp. Ví dụ: ở kiểu bài này, GV có thể làm mẫu cách tìm ý cho bài viết mô phỏng một truyện có sẵn.

*\** **Bước 1.** *Giao nhiệm vụ học tập*: Quan sát cách GV làm mẫu thao tác bằng kĩ thuật nói to suy nghĩ, sau đó, trả lời các câu hỏi sau:

– GV làm mẫu kĩ năng gì?

– Ghi lại cách thức GV thực hiện kĩ năng đó.

– Rút ra bài học kinh nghiệm gì về việc thực hiện kĩ năng này.

*\** **Bước 2.** *Thực hiện nhiệm vụ :* HS thực hiện theo nhóm 4 HS.

*\** **Bước 3.** *Báo cáo, thảo luận:* 2, 3 HS trả lời câu hỏi.

*\** **Bước 4.** *Kết luận, nhận định*: GV tổng hợp, bổ sung cho các câu trả lời của HS.

**Hoạt động xác định mục đích, đối tượng và đề tài:**

*\** **Bước 1.** *Giao nhiệm vụ học tập*:

(1) Nhóm 2 HS đọc đề bài và chọn một truyện mà các em đã biết và đáp ứng các tiêu chí nêu trong SGK. GV có thể giới thiệu một số truyện cho các nhóm lựa chọn.

(2) Tìm ý cho bài viết bằng cách:

– Đọc kĩ truyện đã chọn.

– Điền thông tin vào cột 1 trong PHT sau (làm trên giấy A0).

– Ghi những nội dung dự định thay đổi trong truyện gốc vào cột 2.

*Lưu ý*: GV nhắc HS cần giữ nguyên chủ để của truyện gốc.

*\** **Bước 2.** *thực hiện nhiệm vụ*: Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) 🡪 (2) 🡪 (3)

*\** **Bước 3.** *Báo cáo, thảo luận:*

(1) Các nhóm nêu tên truyện đã chọn để kể lại, giải thích căn cứ chọn truyện đó.

(2) Đại diện 4 nhóm HS treo Phiếu tìm ý, cả lớp thảo luận, góp ý.

(3) Các nhóm treo sơ đồ dàn ý, cả lớp thảo luận, góp ý.

*\** **Bước 4.** *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, góp ý cho việc chọn truyện, hướng dẫn điều chỉnh phiếu tìm ý, sơ đồ dàn ý.

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài**

*\****Bước 1.** *Giao nhiệm vụ học tập*: HS tìm hiểu *Bảng kiểm* *kĩ năng viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng truyện đã đọc*, sau đó, viết bài dựa trên dàn ý mà nhóm đã lập, đồng thời tiếp tục sử dụng bảng kiểm để tự điều chỉnh bài viết.

*\****Bước 2.** *Thực hiện nhiệm vụ*: Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

*\** **Bước 3.** *Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày bài viết của mình trước lớp hoặc gửi vào nhóm lớp học ảo của lớp để các HS khác đọc, góp ý dựa trên bảng kiểm.

*\** **Bước 4.** *Kết luận, nhận định:*Ở hoạt động này, GV chưa nên đánh giá, nhận xét bài viết của HS. Việc này nên được thực hiện sau khi tổ chức cho HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và tự chỉnh sửa bài viết của mình.

**3. Hoạt động xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm**

*\** **Bước 1.** *Giao nhiệm vụ học tập*:

(1) Hai HS đổi bài cho nhau, dùng *Bảng kiểm* *kĩ năng viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng truyện đã đọc* để góp ý cho bài của bạn. Lưu ý: hoạt động này có thể được thực hiện online, trên lớp học ảo.

(2) Phản hổi của HS về những góp ý của bạn.

(3) Mỗi HS ghi lại ít nhất hai bài học kinh nghiệm về viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng truyện đã đọc có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm, sau quá trình viết và thảo luận về bài viết với các bạn cùng lớp

*\** **Bước 2.** *Thực hiện nhiệm vụ*: Nhóm hai HS lần lượt thực hiện từng nhiệm vụ.

*\** **Bước 3.** *Báo cáo, thảo luận:*

*-* Một số nhóm HS chia sẻ góp ý cho bài của bạn và phản hồi về góp ý của bạn.

*-* Chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được

*Lưu ý*: Trường hợp GV đã tổ chức cho HS công bố bài viết trên lớp học ảo thì GV sẽ chọn một hoặc hai bài, chiếu trên màn hình lớp học thực để cả lớp góp ý, dựa trên bảng kiểm.

*\** **Bước 4.** *Kết luận, nhận định:*GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện:

– Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.

– Cách nhận xét, góp ý cho bài viết của bạn.

***Nhiệm vụ 6.* Vận dụng**

*\** **Bước 1.** *Giao nhiệm vụ học tập*: HS về nhà viết lại những phần chưa đáp ứng yêu cầu kiểu bài.

*\** **Bước 2.** *Thực hiện nhiệm vụ*: HS về nhà thực hiện nhiệm vụ học tập.

*\** **Bước 3.** *Báo cáo, thảo luận:* HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc Bảng học tập của lớp. Các HS khác đọc và phản hồi bằng cách bình luận, hoặc biểu thị cảm xúc đối với bài viết đã chỉnh sửa của bạn.

*\** **Bước 4.** *Kết luận, nhận định:*GV nhận xét thái độ tích cực, chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao.

**Nội dung 8: NÓI VÀ NGHE**

***KỂ MỘT CÂU CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG***

(Dự kiến thời gian: 80’)

1. ***Mục tiêu:***

- Kích hoạt được kiến thức nền về kĩ năng kể chuyện.

- Cách kể một câu chuyện tưởng tượng: kể tự nhiên, đảm bảo đầy đủ các yếu tố: bối cảnh, nhân vật, cốt truyện…

- Nhận biết được những điểm giống và khác nhau của hai kiểu bài kể chuyện tưởng tượng.

***b. Nội dung:***HS trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về hiểu biết nền liên quan đến kĩ năng kể lại câu chuyện tưởng tượng.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Nhiệm vụ 1: Khởi động**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

- HS thảo luận về câu hỏi: Em đã từng kể lại câu chuyện nào đó cho người khác nghe chưa? Kể trong bối cảnh nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** Nhận nhiệm vụ.

- Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện 2 – 3 HS trả lời câu hỏi, các HS khác nghe, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

GV tổng hợp các câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài học.

- Thông thường chúng ta thường kể lại cho người khác nghe những câu chuyện mà ta được đọc hoặc được nghe. Bên cạnh đó, để tăng thêm phần thú vị và làm nổi bật ý nghĩa của sự việc, người kể có thể tưởng tượng ra một câu chuyện dựa trên một sự việc có sẵn hoặc không có sẵn. Vậy, kể một câu chuyện tưởng tượng cần đảm bảo yêu cầu như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay.

**Nhiệm vụ 2: So sánh điểm giống và khác nhau của hai kiểu bài kể chuyện tưởng tượng**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

HS đọc thông tin trong bước 1 trong SGK và điền vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Kể một câu chuyện tưởng tượng** | **Kể lại một câu chuyện mô phỏng truyện đã đọc** |
| **Giống nhau** | ................................................................................................................. | |
| **Khác nhau** | ............................................ | ............................................................... |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ-** Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ . GV quan sát, gợi mở

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Gv tổ chức thảo luận

- 2 – 3 HS báo cáo sản phẩm, nhóm khác trao đổi, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định** GV tổng kết ý kiến của HS, kết luận dựa trên định hướng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Kể một câu chuyện tưởng tượng** | **Kể lại một câu chuyện mô phỏng truyện đã đọc** |
| **Giống nhau** | Có bối cảnh (không gian, thời gian diễn ra câu chuyện); có cốt truyện (chuỗi hành động của các nhân vật); có nhân vật (con người, con vật, thần tiên, cây cối, đồ vật,...). | |
| **Khác nhau** | Hoàn toàn do người kể sáng tạo | Dựa trên nội dung truyện gốc, thay đổi, điều chỉnh một số chi tiết, ngôi kể,... |

**Nhiệm vụ 3.** **Luyện tập**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

**Đề bài:**Hãy kể một câu chuyện hoàn toàn dựa trên trí tưởng tượng của em (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện) hoặc mô phỏng một truyện đã đọc.

- Gv yêu cầu HS thực hiện PHT trong nhóm 4, 5 HS, 1 HS kể các HS khác nghe, góp ý dựa trên *Bảng kiểm kĩ năng kể một câu chuyện tưởng tượng,* sau đó đại diện nhóm lên bảng kể lại.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

*Lưu ý: HS có thể kể lại câu chuyện dựa trên câu chuyện đã viết trong tiết học Viết hoặc kể lại một câu chuyện khác.*

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập: Xây dựng dàn ý cho câu chuyện tưởng tượng**  1. Tên câu chuyện: …  2. Bối cảnh, nhân vật, các sự kiện chính cần làm rõ trong khi kể  a. Bối cảnh  - Không gian: …........................  - Thời gian: ................................  b. Các nhân vật: .........................  c. Các sự kiện chính cần làm rõ trong khi kể:  - Sự kiện thứ nhất: ........................  - Sự kiện thứ hai: ...........................  - Sự kiện thứ ba: ............................ |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** Nhóm HS thực hiện xong nhiệm vụ (1) 🡪 (2).

- GV quan sát, lắng nghe

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- 2 – 3 HS báo cáo sản phẩm, nhóm khác trao đổi, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

-GV nhận xét sản phẩm của HS, điều chỉnh những nội dung chưa hợp lí (nếu có).

**VD: Bài viết dựa trên cốt truyện Rùa và Thỏ:**

Ngày xửa ngày xưa, ở một khu rừng xa xôi, có một chú Khỉ và một chú Gấu sống gần nhau. Cả hai chú đều thích nhau và trở thành bạn thân. Một ngày, khi họ đang vui chơi, chú Khỉ và chú Gấu bắt đầu tranh cãi về việc ai mạnh mẽ hơn.

Cuộc tranh cãi này dẫn đến một ý tưởng mới: cuộc thi thi đấu sức mạnh giữa chú Khỉ và chú Gấu. Cả hai đều đồng ý với cuộc thi và bắt đầu chuẩn bị. Bài kiểm tra của cuộc thi là đẩy một tảng đá lớn qua một con suối sâu.

Chú Khỉ, do sự linh hoạt và nhanh nhẹn của mình, đã bắt đầu rất tốt. Anh ta nhảy lên tảng đá và cố gắng đẩy nó qua suối. Tuy nhiên, do sự nhẹ nhàng và khéo léo, chú Gấu đã đưa ra một chiến thuật khác: anh ta chen vào dưới tảng đá và đẩy nó lên từ phía dưới.

Chú Khỉ, mặc dù có sức mạnh, nhưng không thể kiểm soát đối tượng lớn và không linh hoạt như chú Gấu. Cuộc đua diễn ra khá lâu và gặp không ít khó khăn, nhưng cuối cùng, chú Gấu với chiến thuật thông minh của mình đã đẩy tảng đá qua suối.

Chú Gấu không chỉ chiến thắng cuộc thi, mà còn giành được sự tôn trọng của chú Khỉ. Chú Khỉ, sau khi nhận ra sự quan trọng của sự thông minh và sự kiên nhẫn, biết ơn chú Gấu và cả hai trở nên thân thiết hơn.

Truyện này mang đến cho chúng ta bài học về sự quan trọng của sự thông minh và kiên nhẫn. Đôi khi, sức mạnh không chỉ đến từ cơ bắp mà còn từ khả năng nghĩ cách và kiên trì.

**Nhiệm vụ 5: Vận dụng**

**Trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- HS trả lời câu hỏi: Rút ra hai bài học kinh nghiệm về cách kể câu chuyện tưởng tượng bằng lời nói. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

*-* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

-GV quan sát, gợi ý

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Mời một số HS trình bày bài học kinh nghiệm, HS sau không lặp lại ý kiến của HS trước.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

*-* GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS trên ba phương diện:

+ Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về cách kể một câu chuyện tưởng tượng.

+ Cách nhận xét, đánh giá việc kể lại một câu chuyện tưởng tượng (thông qua Bảng kiểm).

+ Cách HS lắng nghe và phản hồi với nhận xét, đánh giá của các HS khác.

***Bảng kiểm kĩ năng kể một câu chuyện tưởng tượng***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | | ***Đạt*** | ***Chưa đạt*** |
| Mở đầu | Chào hỏi người nghe |  |  | |
| Giới thiệu ngắn gọn về bản thân |  |  | |
| Nêu nhan đề câu chuyện sẽ kể |  |  | |
| Tóm tắt nội dung truyện trong vài câu ngắn gọn (nếu cần) |  |  | |
| Nội dung chính | Giới thiệu nhân vật/hoặc bối cảnh |  |  | |
| Thuật lại các sự kiện, diễn biến câu chuyện theo quan hệ nhân quả hoặc quan hệ tiếp nối |  |  | |
| Kết hợp kể với miêu tả, biểu cảm |  |  | |
| Làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính |  |  | |
| Kết thúc | Kết thúc câu chuyện hợp lí |  |  | |
| Nêu câu hỏi để người nghe tự rút ra ý nghĩa, chủ đề hay thông điệp từ câu chuyện |  |  | |
| Cảm ơn người nghe |  |  | |
| Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe | Sử dụng hình ảnh, từ ngữ, kiểu câu phù hợp |  |  | |
| Sử dụng hợp lí các phương tiện phi ngôn ngữ |  |  | |
| Có cách mở đầu và kết thúc ấn tượng, hấp dẫn |  |  | |

**Nội dung 9: ÔN TẬP**

(Dự kiến thời gian: 45’)

1. ***Mục tiêu:*** Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

- Tri thức ngữ văn.

- Kỹ năng đọc, viết, nói nghe.

***b. Nội dung:***HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động.

***c. Sản phẩm:***Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Nhiệm vụ 1: Khởi động**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:

1. *Em hãy nhắc lại các văn bản văn học mang yếu tố kì ảo mà em biết?*
2. *Nhân dân ta ngày xưa đã sáng tạo ra những tác phẩm văn học mang yếu tố kì ảo nhằm mục đích gì?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận nhóm đôi sau đó trả lời câu hỏi. GV quan sát, lắng nghe

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

**-GV** mời một vài HS xung phong trả lời câu hỏi.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

- GV dẫn dắt vào bài: Chi tiết tưởng tượng, kì ảo là những chi tiết không có thật. Đó là những chi tiết có tính chất hoang đường, kì lạ. Nhân dân sáng tạo ra những chi tiết tưởng tượng, kì ảo nhằm dựng lên những câu chuyện thần kỳ, mục đích giải thích những sự kiện, sự việc chưa thể giải thích theo cách thông thường hoặc là để thần thánh hoá các nhân vật mà nhân dân ngưỡng mộ, tôn sùng. Hôm nay các em sẽ ôn lại để nắm kĩ hơn về chủ đề “Trong thế giới kì ảo”.

**Nhiệm vụ 2: Ôn tập văn bản (Câu 1,2,3/ SGK)**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Câu 1:** Kẻ bảng sau vào vở, liệt kê một số yếu tố kì ảo quan trọng và nêu tác dụng của nó trong các truyện *Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện lạ nhà thuyền chài, Dế chọi.*

**Câu 2:** Vì sao trong truyện truyền kì (*như Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện lạ nhà thuyền chài, Dế chọi,..*) luôn cần đến yếu tố kì ảo?

HS xem lại phần chuẩn bị nội dung câu hỏi 1, 2,3 đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi. GV theo dõi, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**

- GV gọi một học sinh bất kỳ trong các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh gía kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm.

**\* Yếu tố kì ảo trong các văn bản:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Yếu tố kì ảo** | **Tác dụng** |
| *Chuyện người con gái Nam Xương* | – Nhân vật và thế giới kì ảo: nhân vật Linh Phi, Phan Lang, ... dưới thuỷ phủ  Linh Phi hoá thân vào con rùa, báo mộng cho Phan Lang và được Phan Lang cứu sống; việc cứu sống Vũ Thị, trả ơn Phan Lang của Linh Phi  – Việc lập đàn giải oan, cảnh Trương Sinh và Vũ Nương gặp gỡ trong cách biệt | Thể hiện niềm cảm thương số phận những người phụ nữ, thể hiện niềm mong ước: người tốt sẽ được thần nhân phù trợ |
| *Truyện lạ nhà thuyền chài* | – Nhân vật và thế giới kì ảo: nhân vật Ngoạ Vân, cha mẹ Ngoạ Vân, "gã bán kinh"; cuộc gặp gỡ kì lạ ở không gian biển khơi, đảo ấp; yếu tố "thiên cơ" và những luật lệ khác trần gian  – Hành động kì ảo: việc gã bán kinh đưa cha mẹ Thúc Ngư về nhà, thuật rẽ nước và phép thuật chống lại sóng dữ của Ngoạ Vân | – Thể hiện nét đặc biệt của nhân vật kì ảo (có sức mạnh siêu nhiên), đồng thời thể hiện hình ảnh, tính cách của con người  – Làm rõ chủ đề: ca ngợi sự hiếu nghĩa của người phụ nữ Việt Nam qua câu chuyện tình kì ảo giữa con người và thần linh |
| *Dế chọi* | Thế giới và nhân vật kì ảo:  – Thầy bói chỉ cách bắt dế  – Con dế kì lạ (không rõ là dế hay người)  Tình tiết/ biến hoá kì ảo:  – Người sắp chết nhập hồn hoá dế  – Dế quý (lanh lẹ, chọi giỏi), cứu người, hoá người | – Góp phần tô đậm tình cảnh cùng quẫn của dân chúng vì nạn dâng dế quý  – Góp phần thể hiện số phận thăng trầm, "lên voi, xuống chó" của nhân vật là vì dế, nhờ dế |

**\* Câu 2. Truyện truyền kì cần một số yếu tố kì ảo vì:**

– Thế giới truyền kì vốn là thế giới khác biệt với thế giới thực bởi tính kì ảo;

– Sức hấp dẫn của truyện truyền kì là ở trí tưởng tượng, khả năng sáng tạo yếu tố kì ảo;

– Yếu tố kì ảo giúp tác giả thực hiện được lối nói “ngụ ngôn”, mượn chuyện xảy ra trong thế giới kì ảo để ám chỉ về thế giới thực mà tránh được những điều rắc rối, phiền phức.

**\* Câu 3. Điểm giống nhau và khác nhau về cách đọc hiểu một truyện không có yếu kì ảo và truyện có yếu tố kì ảo:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cách đọc** | **Truyện không sử dụng yếu tố kì ảo** | **Truyện sử dụng yếu tố kì ảo** |
| Giống nhau | Tìm hiểu bối cảnh, bố cục, cốt truyện, sự kiện, nhân vật, chủ đề,... | |
| Khác nhau | - Thường nhắm đến việc phản ánh và thảo luận về các vấn đề xã hội, tâm lý, hoặc những khía cạnh khác của cuộc sống thực.  - Nhân vật và sự kiện thường phản ánh cuộc sống thực, với tính cách, đặc điểm và sự phát triển tương đối hiện thực và hợp lý. | - Có thể mang lại những thông điệp sâu sắc về tình cảm, sự sống còn, và giá trị của sự kỳ bí trong cuộc sống.  - Nhân vật thường có khả năng siêu nhiên, và các sự kiện thường là những điều kỳ diệu, phép thuật, hoặc những sự kiện không thể giải thích bằng logic thường ngày. |

**Nhiệm vụ 3: Ôn tập thực hành tiếng việt (Câu 4/ SGK)**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

– GV cho HS đọc lại mục *Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và việc sử dụng dấu câu*, chỉ ra sự khác biệt qua định nghĩa và cách sử dụng dấu câu (phần dẫn trực tiếp thường được đặt trong dấu ngoặc kép; phần dẫn gián tiếp thường dùng kèm các từ "*rằng*", "*là*",... và không được đặt trong ngoặc kép).

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

– HS tự lấy ví dụ và chỉ ra sự khác biệt giữa hai cách trích dẫn trong các ví dụ này.

- GV theo dõi, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

- GV gọi 3,4 học sinh bất kỳ trình bày lên bảng .

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm, yêu cầu các nhóm hoàn thiện sản phẩm.

**Câu 4. Phân biệt cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp :**

- Lời dẫn trực tiếp là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật và đặt trong dấu ngoặc kép.

Ví dụ: Tục ngữ có câu: "Lá lành đùm lá rách"

- Lời dẫn gián tiếp là thuật lại lời nói hay ý nghĩa của người hoặc nhân vật có điều chỉnh thích hợp và không đặt trong dấu ngoặc kép.

Ví dụ: Lan bảo ngày mai bạn ấy không đến được.

**Nhiệm vụ 4.Ôn tập Viết, nói và nghe (Câu 5,6 / SGK)**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

– GV tổ chức lớp theo 4 nhóm:

+ Nhóm 1,3 chuẩn bị trả lời câu 5:

*Theo em, điều quyết định thành công trong việc viết một truyện kể sáng tạo mô phỏng một truyện kể đã đọc là gì?*

+ Nhóm 2, 4chuẩn bị trả lời câu 6:

*Nêu một số điểm cần ghi nhớ khi kể lại một câu chuyện mô phỏng lại truyện đã đọc.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà cùng ác bạn trong nhóm.

- GV theo dõi, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

- GV gọi bất kỳ hs các nhóm trình bày nội dung theo yêu cầu.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm, yêu cầu HS hoàn chỉnh nội dung vào tập.

**\* Câu 5:** Theo em, khả năng đưa thêm yếu tố mới, ý tưởng sáng tạo vào câu chuyện để làm cho nó trở nên độc đáo và khác biệt. Điều này có thể bao gồm việc thay đổi tình tiết, nhân vật, hoặc thậm chí là thế giới xung quanh câu chuyện.

**\* Câu 6**: Một số ghi nhớ:

- Hiểu sâu, hiểu đúng về tác phẩm đã có

- Biến đổi nhân vật, tình tiết, và diễn biến theo cách của riêng để tạo ra một câu chuyện mới và độc đáo.

- có thể thay đổi cốt truyện để làm cho nó phù hợp với cái nhìn hoặc thông điệp riêng

- Mặc dù đang thực hiện sự sáng tạo, nhưng hãy cố gắng giữ nguyên tinh thần hoặc thông điệp cơ bản của câu chuyện gốc.

1. **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** (Dự kiến thời gian 25’)

***a. Mục tiêu:***

– Củng cố được kiến thức đã học về Đọc, Tiếng Việt, Viết, Nói và nghe trong bài học.

– HS trình bày thêm ý kiến về câu hỏi lớn đầu bài học, qua đó hiểu thêm về chủ điểm *Truyện truyền kì.*

***b. Nội dung:*** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS các câu hỏi trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

***-GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi luyện tập***

1. *Những câu chuyện kì lạ về con người trong thế giới kì ảo có thể mang lại cho ta những bài học gì?*

*2. Bài học ứng xử em rút ra được sau khi học chủ điểm này là gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Cá nhân HS phác thảo câu trả lời, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm.

- GV theo dõi, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo. thảo luận.**

- HS trình bày câu trả lời trước lớp.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, tổng kết câu trả lời của HS. GV khơi gợi để HS tiếp tục suy nghĩ về câu hỏi lớn sau khi kết thúc bài học.

**Gợi ý:**

1. Yếu tố kì ảo là cầu nối để đưa ta vào thế giới chưa biết, huyền diệu và bí ẩn trong trí tưởng tượng, vào những giấc mơ không có thật. Nó đem đến cảm giác mới lạ cho người đọc, mở ra một chân trời mới của sức tưởng tượng bay bổng. Mặt khác nó khiến con người không quay đi với đời sống thực tại mà luôn sẵn sàng đối diện, nhận thức đời sống một cách sâu sắc hơn.

2. Biết cảm thông, chia sẻ với người khác; hiểu thêm về số phận, nhân cách của con người trước khó khăn, thử thách; biết kể một câu chuyện theo trí tưởng tượng; phát huy được khả năng tưởng tượng trong học tập và cuộc sống.

1. **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG** (Dự kiến thời gian 25’)

***a. Mục tiêu:***

– Củng cố được kiến thức đã học về viết để viết đoạn văn theo yêu cầu.

***b. Nội dung:*** GV yêu cầu HS viết đoạn văn để củng cố kiến thức bài học.

***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn theo sự hiểu biết và sáng tạo của học sinh.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**

***- GV yêu cầu HS viết đoạn văn (thực hiện ở nhà và gởi vào nhóm )***

***- GV gợi ý những ý chính, yêu cầu HS làm bài gởi vào nhóm, GV sửa bài và chấm điểm trên nhóm cho HS.***

*Viết một đoạn văn ghi lại bài học em rút ra được từ một trong những văn bản đã học*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Cá nhân HS hoàn thành đoạn văn ở nhà và trình bày trước lớp ở tiết học sau

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

- HS trình bày đoạn văn trước lớp.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, góp ý và tuyên dương bài làm hoàn chỉnh của học sinh ở tiết học sau.

Gợi ý:đoạn văn ghi lại bài học em rút ra được từ một trong những văn bản đã học.

- Giới thiệu văn bản đã học

- Nêu bài học mà em rút ra, em cảm thấy đáng để học hỏi

- Nêu cảm nhận bản thân khi em học được bài học đó

**KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN**

**Đọc đoạn trích:**

"Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, là một người tuấn sảng hào mại không ưa kiềm thúc. Theo học nhà xử sĩ Dương Trạm, Trạm thường răn Tử Hư về cái tính hay kiêu căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt. Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mả để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn chưa đỗ; đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.

Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong áng sương mù thấy có một đám những tán vàng kiệu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững chạc. Tử Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạm xua tay nói:

- Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tối mai nên đến đền Trấn Vũ cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên. Tử Hư bèn sắm rượu và thức nhắm, đúng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

- Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoắt đã trở nên hiển hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng. Dương Trạm nói:

- Ta thuở sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hễ thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế quân đây ngài khen là có bụng tốt tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng. Hôm qua ta hầu lính giá ngài lên chầu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên…"

(Trích chuyện *Phạm Tử Hử lên chơi Thiên Tào, Truyền kì mạn lục*, Nguyễn Dữ, NXB Trẻ, 2016, Tr.142)

**Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 1****(0.5 điểm)**. Xác định thể loại của đoạn trích trên

**Câu 2(0.5 điểm)**. Theo đoạn trích, tính cách nào của Tử Hư được Dương Trạm răn đe và sửa đổi?

**Câu 3****(1.0 điểm)**. Điều gì khiến Dương Trạm được Đức Đế quân khen là có bụng tốt và tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng?

**Câu 4(2.0 điểm):** Hiệu quả nghệ thuật của chi tiết kì ảo được sử dụng trong đoạn trích?

**Câu 5(1.0 điểm).** Ý nào khái quát nội dung chính của đoạn trích?

**Câu 6(2.0 điểm).** Chi tiết *khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mả để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về* cho thấy Phạm Tử Hư là người như thế nào?

**Câu 7(3.0 điểm).** Theo anh/chị tinh thần tôn sư trọng đạo được biểu hiện như thế nào?

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** |
|  | **ĐỌC HIỂU** |
| **1** | Truyền kì |
| **2** | Kiêu căng |
| **3** | Giữ điều tín thực với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hễ thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi**.** |
| **4** | Ca ngợi phẩm chất cao quý của Tử Hư.  Tạo ra sự sinh động, tạo hứng thú tăng tính hấp dẫn cho người đọc.  Muốn bất tử hóa nhân vật Dương trạm vì đã có những phẩm chất tốt. |
| **5** | Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của Dương Trạm và tình nghĩa thầy trò cao quý. |
| **6** | Là người sống có tình, có nghĩa, biết tôn sư trọng đạo. |
| **7** | Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, miễn là tỏ ra hiểu vấn đề: Những biểu hiện của tinh thần tôn sư trọng đạo:  - Tôn trọng, lễ phép, chăm học.  - Luôn nghĩ về công lao thầy cô, mong muốn được đền đáp.  - Người đi học cần rèn trước hết là đạo đức… |